

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ QUẢNG CHU
(1946 - 2015)

1968

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CHU

(1968 - 2013)

ĐẢNG BỘ HUYỆN CHỢ MỚI
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ QUẢNG CHU



LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ QUẢNG CHU
(1946 - 2015)

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
(1946 - 2015)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI GIỚI THIỆU

Quảng Chu là xã miền núi nằm ở phía Đông Nam huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay, xã Quảng Chu có 6 dân tộc cùng chung sống là: Kinh, Tày, Dao, Nùng, Mông, Sán Chí. Trải qua quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, nhân dân trong xã đã gắn bó, đoàn kết, cùng nhau chinh phục tự nhiên, đấu tranh chống lại kẻ thù, giữ gìn và bảo vệ độc lập dân tộc, phát triển quê hương Quảng Chu ngày càng giàu mạnh.

Dưới chế độ thực dân, phong kiến, đời sống của nhân dân Quảng Chu vô cùng khó khăn. Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nắm vững ngọn cờ lãnh đạo cách mạng và giành được chính quyền với thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Trong thời kỳ mới xây dựng cơ sở cách mạng ở địa phương, những nhân tố cách mạng đầu tiên đã xuất hiện. Năm 1946, Chi bộ Đảng xã Yên Đĩnh được thành lập, cùng với đó là sự ra đời của tổ Đảng Quảng Cốc và tổ Đảng Du Chu - tiền thân của Chi bộ - Đảng bộ xã Quảng Chu sau này, trực tiếp lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Pháp đến ngày toàn thắng.

Năm 1954, xã Quảng Chu được thành lập trên cơ sở sáp nhập Quảng Cốc và Du Chu (tách từ xã Yên Đĩnh). Cùng thời gian này, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu ra đời, đánh dấu bước phát triển lớn mạnh của tổ chức cơ sở Đảng ở

địa phương. Sau khi ra đời, Chi bộ Đảng trực tiếp lãnh đạo nhân dân khôi phục, phát triển kinh tế, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954 - 1960) và thực hiện thắng lợi Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Cuối năm 1964, đầu năm 1965, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện cho miền Nam và phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Chu vừa tích cực sản xuất, chi viện cho tiền tuyến vừa phục vụ chiến đấu góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Trong giai đoạn 1965 - 1975, xã Quảng Chu đã huy động cao nhất sức người, sức của chi viện cho tiền tuyến miền Nam, hoàn thành nhiệm vụ hậu phương đối với tiền tuyến lớn.

Sau ngày thống nhất đất nước, nhất là từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới (năm 1986), nhân dân xã Quảng Chu tập trung xây dựng quê hương ngày càng phát triển. Với những nỗ lực và cố gắng của các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân, xã Quảng Chu ngày càng thay đổi theo hướng hiện đại. Kinh tế của xã phát triển đa dạng, nhiều loại hình tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn được mở rộng, đây là những thành quả đáng tự hào trong cả chặng đường lịch sử đầy gian khổ nhưng vinh quang của cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quảng Chu dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư “về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng”, đồng thời với nhận thức ghi lại chặng đường lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Quảng Chu là công việc thiết thực và cấp bách nhằm giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ mai sau; tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, sự gắn bó giữa Đảng và nhân dân; rút ra những bài học kinh nghiệm, nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực của cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới... Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quảng Chu khóa XIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020) quyết định nghiên cứu và biên soạn cuốn **“Lịch sử Đảng bộ xã Quảng Chu (1946 - 2015)”**.

Đặt trong mối liên hệ với những thăng trầm lịch sử của dân tộc, cuốn sách đã tái hiện một cách có hệ thống, chân thực quá trình hình thành và phát triển của xã Quảng Chu, nhất là từ khi tổ Đảng đầu tiên ra đời (năm 1946) và sau đó là sự ra đời của Chi bộ Đảng xã Quảng Chu (năm 1954). Tháng 11/1976, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu được chuẩn y thành Đảng bộ xã Quảng Chu, đánh dấu bước phát triển to lớn của tổ chức cơ sở Đảng ở địa phương. Với sự nghiêm túc, khách quan trong quá trình nghiên cứu, chấp bút, cuốn sách mong muốn sẽ là một tài liệu học tập có chất lượng đối với cán bộ, đảng viên

trong xã, là sự tri ân các thế hệ đã hết lòng vì sự nghiệp cách mạng, đồng thời có ý nghĩa giáo dục thế hệ trẻ về lịch sử quê hương.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quảng Chu xin gửi lời cảm ơn trân trọng đến các tập thể, cá nhân đã đóng góp tâm huyết và công sức cho sự ra đời của cuốn sách. Trong đó, có những đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã qua các thời kỳ, các ban, ngành, đoàn thể cùng đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quảng Chu, đặc biệt là sự quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Chợ Mới. Mặc dù cố gắng đảm bảo chất lượng khoa học trong các khâu sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn, song do hạn chế về tài liệu lưu trữ và nhân chứng lịch sử nên cuốn sách không thể tránh khỏi thiếu sót. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quảng Chu mong nhận được sự góp ý chân thành của độc giả để cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Quảng Chu (1946 - 2015)” sẽ hoàn thiện hơn trong lần tái bản.

T/M BCH ĐẢNG BỘ XÃ QUẢNG CHU

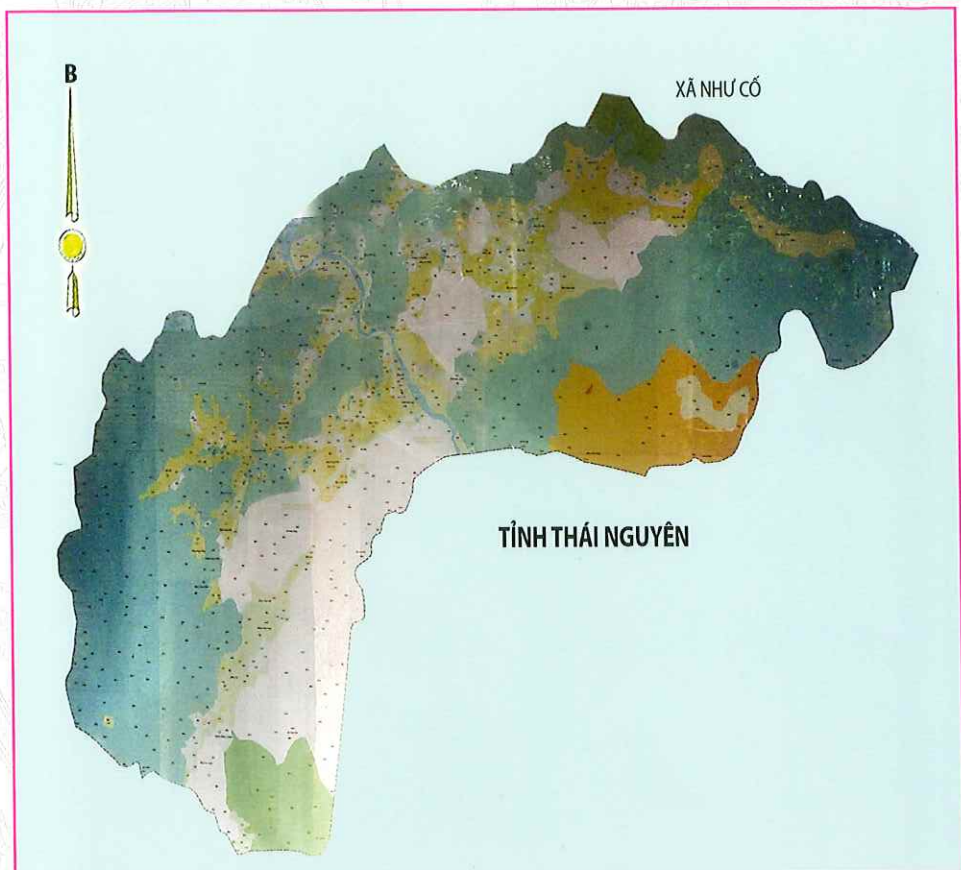
BÍ THƯ

Nguyễn Đình Quyết



*“Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”*

Chủ tịch Hồ Chí Minh



Bản đồ hành chính xã Quảng Chu



Nhân dân và cán bộ xã Quảng Chu vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen vì đã có thành tích trong phong trào xây dựng giao thông nông thôn - miền núi giai đoạn 2008 - 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc



Ủy ban nhân dân xã Quảng Chu vinh dự được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2008 - 2013

Mở đầu

QUẢNG CHU - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. Địa lý tự nhiên và quá trình hình thành, phát triển làng xã

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên

Quảng Chu là xã miền núi nằm ở phía Đông Nam của huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Xã có vị trí địa lý: phía Bắc giáp 2 xã Như Cố và Yên Đĩnh (huyện Chợ Mới), phía Nam giáp xã Văn Lăng (huyện Đồng Hỷ), phía Đông giáp xã Thần Sa (huyện Võ Nhai), phía Tây giáp 2 xã Yên Lạc và Yên Ninh (huyện Phú Lương).

Nằm trong khu vực thấp của huyện Chợ Mới, xã Quảng Chu có độ cao trung bình 40m so với mặt nước biển. Địa hình chủ yếu là các đồi, núi cao bao quanh được cấu tạo từ các loại nham thạch cổ, xen kẽ với các dãy núi đá vôi. Các dãy núi được ngăn cách bởi các thung lũng nhỏ, hẹp. Một số thung lũng dài, rộng được nhân dân khai phá thành những cánh đồng tương đối bằng phẳng dọc theo các triền sông, suối, thuận lợi cho việc trồng lúa và hoa màu. Sông Cầu chảy qua địa bàn chia xã thành 2 khu vực chính, hằng năm được phù sa bồi đắp tạo nên các bãi bồi ven sông.

Xã Quảng Chu có nhiều loại đất khác nhau. Đất feralit vàng đỏ phát triển trên đá phiến sét, có diện tích tương đối lớn, thích hợp cho phát triển các loại cây công nghiệp như chè, hồi, quế... Đất feralit vàng nâu phát triển trên đá sa thạch, phục vụ cho phát triển lâm nghiệp. Đất phù sa ở ven các sông, suối có độ mùn cao, giàu dinh dưỡng, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp.

Năm 2015, tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 5.035,35ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 3.501,36ha, gồm: đất trồng lúa nước là 236,28ha, đất trồng cây hằng năm là 386,72ha, đất trồng cây lâu năm là 268,86ha, đất rừng phòng hộ là 528,82ha, đất rừng sản xuất là 2.059,1ha, đất nuôi trồng thủy sản là 21,58ha. Đất phi nông nghiệp là 607,54ha. Đất chưa sử dụng là 926,45ha. Đất khu dân cư nông thôn là 29,78ha.

Xã Quảng Chu nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng, ẩm và mưa nhiều, mang đặc điểm chung của khí hậu miền núi phía Bắc. Theo các ghi chép trong sách *Đồng Khánh địa dư chí*, vùng này “Khí trời nhiều lạnh rét, khí đất ẩm ướt, cuối xuân còn lạnh, đến mùa hạ mới hơi nóng, đầu thu đã rét, mùa đông rét đậm. Mùa đông và mùa xuân sương mù, khí núi che phủ bầu trời. Trước giờ Tý, sau giờ Thân

tứ nhìn quanh không thấy núi"¹. Nhiệt độ trung bình hằng năm khoảng 23°C. Ảnh hưởng bởi đặc điểm thời tiết chung của vùng, mùa lạnh ở Quảng Chu bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, tiết trời giá lạnh, các tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 12 và tháng 01 năm sau. Cuối mùa lạnh thường xuất hiện mưa phùn, ẩm ướt, cá biệt đôi khi có cả sương muối. Mùa nóng bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10 hằng năm, nhiệt độ trung bình từ 25 - 28°C, các tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất là tháng 6, 7 và 8 (35 - 37°C). Mùa hè trùng với thời gian hoạt động mạnh của đới gió Đông Nam nhiều hơi ẩm gây ra mưa. Lượng mưa ở Quảng Chu thuộc loại trung bình, khoảng 1.500 mm/năm. Mưa chủ yếu tập trung vào mùa hè, nhất là các tháng 7 và 8 trong năm. Mưa lớn thường kèm theo gió lốc, lũ lụt gây ảnh hưởng đến nhà cửa, cây trồng của nhân dân.

Xã Quảng Chu có hệ thống sông, suối phân bố đều khắp ở các xóm. Trong đó, nguồn cung cấp nước chính cho xã là hệ thống sông Cầu. Sông Cầu bắt nguồn từ đỉnh dãy núi Tam Tao, xã Bằng Phú, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn qua huyện Bạch Thông, thành phố Bắc Kạn, huyện Chợ Mới. Đoạn chảy qua địa bàn xã Quảng Chu có chiều dài 3,5km theo hướng Tây Bắc - Đông

1. Dẫn theo: *Đồng Khánh địa dư chí, tập 1*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr.820.

Nam, ít thác ghềnh, thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy. Sông Cầu có vai trò to lớn trong sản xuất và đời sống dân cư của xã Quảng Chu. Hằng năm, dòng sông bồi đắp 2 bên bờ một lượng phù sa khá lớn, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp. Không chỉ cung cấp nguồn nước dồi dào cho phát triển sản xuất, sông Cầu còn cung cấp nguồn thủy sản phong phú với nhiều loại cá, tôm... đáp ứng một phần không nhỏ nhu cầu thực phẩm của nhân dân. Hơn nữa, sông Cầu còn cung cấp nguồn khoáng sản lớn (cát, sỏi), nguyên liệu xây dựng chủ yếu cho các công trình tại địa phương và các vùng lân cận.

Ngoài ra, xã Quảng Chu có hệ thống các suối, hồ, ao phủ khắp các thôn, xóm. Suối Nà Lăng bắt nguồn từ thôn Bản Đén chảy theo hướng Đông Tây dài 8km và gặp sông Cầu tại thôn Đèo Vai 1. Suối Làng Diên chảy theo hướng Tây Đông dài 6km gặp sông Cầu tại thôn Cửa Khe. Suối Hang Tỳ chảy từ thôn Đồng Luông theo hướng Tây Nam - Đông Bắc gặp sông Cầu tại thôn Đèo Vai 1. Bên cạnh đó, xã Quảng Chu còn có hồ thủy lợi Đèo Bụt tại thôn Bản Đén và 6 đập dâng nước gồm: Nà Bon, Nà Cam, Con Kiến, Thâm Trào, Nà Lăng, Pác Ta, cơ bản đã đáp ứng cho sản xuất và đời sống nhân dân.

Trước đây, hệ thống giao thông ở Quảng Chu chủ yếu là những con đường nhỏ, hẹp, mưa thì lầy lội, nắng

thì bụi bặm, gây trở ngại cho người dân. Năm 1998, khi huyện Chợ Mới được thành lập, xã Quảng Chu còn chưa có đường ô tô đến trung tâm xã. Được sự quan tâm của các cấp, ban, ngành, đoàn thể, từ nhiều nguồn vốn đầu tư và sự đóng góp công sức của nhân dân, hiện nay xã Quảng Chu đã xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Xã có 18,6km đường trục liên xã, trong đó tỷ lệ bê tông hóa đạt 20,2%. Hệ thống đường liên thôn gồm 9 tuyến được cải tạo và mở rộng với tổng chiều dài 15,7km. Hệ thống các đường ngõ xóm sạch sẽ, không lấy lợi vào mùa mưa có tổng chiều dài 17,97km. Ngoài ra, xã còn có hệ thống giao thông nội đồng được cứng hóa có tổng chiều dài 1,7km, xe cơ giới đi lại thuận tiện.

2. Quá trình hình thành và phát triển làng xã

Quảng Chu là vùng đất có lịch sử lâu đời, phát triển liên tục theo những thăng trầm của lịch sử dân tộc. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, địa danh, địa giới xã Quảng Chu có nhiều thay đổi cho phù hợp với yêu cầu xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước từng thời kỳ.

Dưới thời nhà Lý, nước ta được chia thành 24 lộ, trong đó địa giới Quảng Chu thuộc lộ Vĩnh Thông. Đến thời nhà Trần, đất nước chia làm 12 lộ, 4 trấn và 14 huyện, Quảng Chu thuộc huyện Vĩnh Thông,

trấn Thái Nguyên. Thời thuộc Minh, nước ta chia làm 15 phủ, lúc này trấn Thái Nguyên đổi thành phủ Thái Nguyên gồm 11 huyện, Quảng Chu nằm trong địa phận huyện Vĩnh Thông. Năm 1426, phủ Thái Nguyên đổi thành Thái Nguyên Thừa Chính Ty, châu Vĩnh Thông khi đó thuộc về phủ Thông Hóa. Thời Lê, năm Hồng Đức¹ thứ 21 (năm 1490), châu Vĩnh Thông đổi tên thành châu Bạch Thông, địa phận Quảng Chu nằm trong châu Bạch Thông.

Đến thời Nguyễn, năm Gia Long nguyên niên (năm 1802), Thái Nguyên thừa tuyên đổi thành trấn Thái Nguyên. Năm Minh Mạng thứ 12 (năm 1831), trấn Thái Nguyên đổi thành tỉnh Thái Nguyên. Lúc này, Quảng Chu thuộc phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Dưới chế độ phong kiến, phủ Phú Bình có vị trí quan trọng về chính trị, quân sự ở phía Bắc của kinh thành Thăng Long.

Đầu thế kỷ XIX, địa giới Quảng Chu thuộc tổng Túc Tranh, huyện Phú Lương, phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên². Cuối thế kỷ XIX, sau khi hoàn thành việc

1. Vua Lê Thánh Tông trị vì từ năm 1460 đến năm 1497, trong 38 năm trị vì, ông đặt 2 niên hiệu: Quang Thuận (1460 - 1469) và Hồng Đức (1470 - 1497).

2. Tổng Túc Tranh khi đó gồm có 4 xã, trang: Quảng Cố, Phú Đô, Đan Khê và trang An Lạc. Dẫn theo: Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012.

xâm lược nước ta, thực dân Pháp đặt châu Bạch Thông (phủ Thông Hóa) thuộc tiểu quân khu Cao Bằng, nằm trong Đạo quan binh 2 Lạng Sơn (lúc này địa phận Quảng Chu thuộc châu Bạch Thông).

Ngày 11/4/1900, thực dân Pháp quyết định tách phủ Thông Hóa khỏi tỉnh Thái Nguyên, thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì) và Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Ngày 25/6/1901, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra Nghị định rút tổng Yên Đĩnh (lúc này Quảng Chu nằm trong địa phận tổng Yên Đĩnh) khỏi huyện Phú Lương (Thái Nguyên), nhập về châu Bạch Thông (Bắc Kạn).

Nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, năm 1946, các xã Quảng Cốc, Du Chu, Thanh Bình, Yên Đĩnh và Như Cố được sáp nhập thành xã Yên Đĩnh.

Ngày 25/3/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 148/SL bỏ các danh từ phủ, châu, tổng, kể từ đó, cấp trên cấp xã và dưới cấp tỉnh thống nhất gọi là huyện. Từ năm 1945 đến năm 1954, Quảng Chu thuộc địa phận của xã Yên Đĩnh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Từ năm 1954 xã Quảng Chu được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 xã Quảng Cốc và Du Chu, thuộc địa phận huyện Bạch Thông.

Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có Nghị quyết số 103-NQ/TVQH về hợp nhất tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Lúc này, Bạch Thông là huyện miền núi phía bắc thuộc tỉnh Bắc Thái, gồm 28 xã, thị trấn, trong đó Quảng Chu là một trong các xã của huyện.

Ngày 25/3/1967, Bộ Nội vụ ra Quyết định số 111/NV tách 9 xã, thị trấn gồm: Quảng Chu, Như Cố, Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, Nông Hạ và thị trấn Chợ Mới từ huyện Bạch Thông sáp nhập về huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

Sau năm 1975, xã Quảng Chu nằm trong địa giới huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái. Ngày 06/11/1996, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 10 ra Nghị quyết về việc tách tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Theo đó, Quảng Chu cùng với 9 xã, thị trấn¹ chuyển về huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn, địa giới hành chính như trước tháng 3/1967.

Thực hiện Nghị định số 46/1998/NĐ-CP của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 06/7/1998, huyện Chợ Mới chính thức thành lập trên

1. Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Như Cố, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, Nông Hạ, thị trấn Chợ Mới.

cơ sở chia tách thị trấn Chợ Mới và 15 xã phía Nam huyện Bạch Thông, gồm: Quảng Chu, Tân Sơn, Hòa Mục, Thanh Vận, Thanh Mai, Mai Lạp, Cao Kỳ, Yên Cư, Nông Hạ, Yên Hân, Nông Thịnh, Bình Văn, Thanh Bình, Yên Đình, Như Cố. Xã Quảng Chu thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và ổn định địa giới hành chính cho đến ngày nay.

Hiện nay, toàn xã Quảng Chu có 13 thôn: Bản Nhuần 1, Bản Nhuần 2, Bản Đén 1, Bản Đén 2, Nà Làng, Nà Choọng, Cửa Khe, Đồng Luông, Làng Điền, Làng Chẽ, Con Kiến, Đèo Vai 1, Đèo Vai 2. Xã Quảng Chu có 6 dân tộc cùng chung sống là: Kinh, Tày, Dao, Nùng, Mông, Sán Chí, trong đó 2 dân tộc Tày và Kinh chiếm đại bộ phận dân cư của xã. Trong tổng số 3.696 nhân khẩu của xã, dân tộc Tày có số lượng đông nhất chiếm 70%, dân tộc Kinh chiếm 20%, còn lại là các dân tộc khác.

Trải qua các thời kỳ phát triển, cùng với người dân bản địa là dân tộc Tày, xã còn có thêm các dân tộc khác di cư tới lập nghiệp, dựng nhà cửa sinh sống. Đồng bào các dân tộc ở Quảng Chu sống xen kẽ với nhau. Quá trình quần cư sinh sống và sản xuất đã tạo nên tính cố kết cộng đồng làng xã, tương trợ nhau khi gặp khó khăn, đoàn kết trong lao động sản xuất. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói và phong tục tập quán khác

nhau tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hóa nhưng đều hòa chung vào nhịp sống của cộng đồng làng xã. Trong thời kỳ kháng chiến chống giặc ngoại xâm, với truyền thống cách mạng vẻ vang, nhân dân các dân tộc trong xã luôn đoàn kết cùng với quân dân cả nước đánh đuổi kẻ thù xâm lược. Nhân dân Quảng Chu luôn tự hào với truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương, đất nước.

Thực hiện chủ trương xây dựng kinh tế mới của Đảng, các nhóm cư dân từ đồng bằng lên Quảng Chu làm ăn, sinh sống. Dù điều kiện còn khó khăn, song đồng bào các dân tộc đã “nhường áo nhường cơm”, giúp đỡ bà con miền xuôi xây dựng nhà cửa, ổn định cuộc sống mới. Tuy còn nhiều khác biệt về tập quán sản xuất và sinh hoạt, song nhân dân sinh sống đoàn kết, chia sẻ cho nhau kinh nghiệm làm ăn, giao lưu văn hóa.

Ngày nay, thực hiện chủ trương cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”, nhân dân các dân tộc xã Quảng Chu luôn phát huy tính cần cù lao động, hăng hái xây dựng quê hương. Trong những năm gần đây, kinh tế - xã hội của xã có bước tăng trưởng rõ rệt, khắc phục được tình trạng khó khăn kéo dài trước đây và đang chuyển dần sang phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với những mục tiêu trong Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XIII

(nhiệm kỳ 2015 - 2020) đã xác định rõ, cùng với sự nỗ lực, chung tay góp sức của người dân, bộ mặt nông thôn xã Quảng Chu sẽ ngày càng có những đổi mới, chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương sẽ đạt được nhiều kết quả cao hơn trong thời gian tới.

II. Truyền thống lịch sử, văn hóa

Gắn với sinh hoạt và sản xuất, các phong tục tập quán từng bước được tạo dựng, dần trở thành những giá trị văn hóa truyền thống của xã Quảng Chu. Trong hôn nhân, trước đây tư tưởng “*cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy*” được thể hiện đậm nét với vai trò quan trọng của các ông mai, bà mối. Ngày nay, tư tưởng này không còn, thay vào đó là hôn nhân tự nguyện, trai gái tự do tìm hiểu và đi đến kết hôn. Đối với những người thi cử đỗ đạt hay mua nhiều (một chức nhỏ ở làng, xã khi xưa) đều phải có lễ trình làng để được dân làng gọi theo chức tước, phẩm vị. Trong đám tang, giáp trưởng quán xuyên từ việc báo tin buồn tới giáp cho đến phân công các trai đinh đảm trách từng công việc trong đám tang. Hiện nay, ở Quảng Chu, nhiều tập tục phiền hà được bãi bỏ, đám ma, lễ cưới, lễ mừng thọ được nhân dân tổ chức đơn giản, tiết kiệm hơn.

Theo thời gian, các lễ thức sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo dần ra đời. Tục thờ cúng tổ tiên ở Quảng Chu có từ lâu đời. Trong các gia đình đều đặt bàn thờ gia tiên

ở vị trí trang trọng nhất. Cùng với những ngày lễ lớn trong năm như tết Nguyên đán, tiết Thanh minh, tết Đoan ngo... hằng tháng, vào các ngày mùng 1 và ngày rằm, người dân thường mua sắm hương hoa để bày lên bàn thờ tổ tiên. Dịp tết Nguyên đán, tiết Thanh minh (ngày 3/3 âm lịch) hằng năm, con cháu thường cùng nhau đi tảo mộ. Lòng thành kính tổ tiên phát triển thành những giá trị đạo đức, những truyền thống quý giá trong đời sống tinh thần người Việt cũng như người dân Quảng Chu.

Từ nhiều thế kỷ trước, để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, các công trình đình, miếu... được xây dựng, thể hiện đời sống văn hóa tâm linh đa dạng, phong phú của người dân Quảng Chu. Tại đình làng Bản Đén, Làng Diên, Đèo Vai, nhân dân thường tổ chức lễ hội, múa hát. Tuy nhiên, từ sau năm 1945, hưởng ứng phong trào xây dựng đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan nên người dân trong xã đã tự phá bỏ đình. Vì vậy, trên địa bàn xã Quảng Chu hiện nay không còn đình.

Tại bản Đèo Vai xã Quảng Chu, hiện nay còn di tích chùa Khau Chà, là di tích kiến trúc nghệ thuật. Chùa được lập để thờ Sơn thần do tín ngưỡng truyền thống của nhân dân cách đây khoảng hơn 300 năm vào thời Hậu Lê.

Ngoài ra, tại Bản Nhuần còn có động Hun, là di tích lịch sử danh thắng. Đây là động tự nhiên, có vẻ đẹp kỳ thú, phục vụ khách tham quan du lịch từ nhiều nơi trong cả nước.

Trong quá trình lao động sản xuất và đấu tranh nhằm chế ngự thiên nhiên, nhân dân các dân tộc ở Quảng Chu đã sáng tạo nên những đặc trưng văn hóa phong phú và đa dạng. Từ thời xa xưa, với đức tính cần cù, sáng tạo, người dân Quảng Chu đã biết xây dựng hệ thống các phai, đập, mương máng, cùng với những guồng nước để dẫn nước từ khe suối lên ruộng cao; biết lợi dụng sức nước để chạy cối giã gạo liên tục, thuận lợi cho sinh hoạt của người dân. Bên cạnh đó, nhân dân còn biết chế tạo các công cụ phù hợp cho sản xuất nông nghiệp ở địa phương và các loại cạm bẫy, vũ khí chống lại thú dữ để bảo vệ sản xuất cũng như đời sống. Trong quá trình đó, các loại giống cây trồng được duy trì và phát triển nhằm phục vụ cho nhu cầu người dân.

Từ lâu đời, những người Tày đầu tiên đã đến Quảng Chu để tụ cư, sinh sống. Ban đầu, người Tày chủ yếu định cư ven sông, khe suối và chân núi, khai khẩn đất hoang, dựng nhà cửa dần hình thành nên những điểm quần cư đầu tiên. Lúc đầu, mỗi khu vực chỉ có khoảng 3 đến 4 hộ sinh sống theo quan hệ dòng tộc. Trong

quá trình đấu tranh sinh tồn, các cư dân trong vùng đã đoàn kết cùng nhau xua đuổi thú dữ, làm thủy lợi, chống chọi thiên tai... làm cho mối quan hệ cộng đồng có tính cố kết cao, đồng thời tạo nên tính cách của con người nơi đây luôn kiên cường, không chịu khuất phục trước khó khăn. Người Tày có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng lúa nước; thành thạo trong việc phát nương trồng lúa rẫy, trồng ngô, khoai sắn và nhiều cây trồng khác.

Người Kinh chiếm khoảng 20% dân số của xã, sống chủ yếu ở các khu vực dọc theo sông Cầu. Người Kinh ở Quảng Chu di cư chủ yếu từ các tỉnh Nam Định và Thái Bình lên qua nhiều giai đoạn. Nhóm người Kinh đến Quảng Chu đầu tiên vào năm 1960, có khoảng 30 hộ dân từ Nam Định lên định cư. Tuy nhiên, đến năm 1979, một số hộ đã di chuyển đi nơi khác, chỉ còn lại 6 hộ dân. Cũng trong năm 1979, 26 hộ dân từ huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình lên định cư, nhưng được thời gian ngắn, phần lớn các hộ dân này cũng chuyển đi, đến năm 1986 chỉ còn lại 5 hộ dân. Từ một số hộ dân này, đến nay người Kinh đã mở rộng với dân số đông đảo hơn. Người Kinh đem theo những kinh nghiệm sản xuất của miền xuôi lên canh tác, trong đó quan trọng là kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước gắn liền với các nghề thủ công truyền thống. Bên cạnh đó, người Kinh còn tiếp thu nhanh các tiến bộ khoa

học kỹ thuật và áp dụng một cách linh hoạt vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Các dân tộc Dao, Nùng, Mông, Sán Chí đến Quảng Chu muộn hơn, chiếm 10% dân số toàn xã. Các dân tộc ở Quảng Chu dù số lượng nhiều ít khác nhau, trình độ phát triển kinh tế không đồng đều nhưng luôn đoàn kết, gắn bó, tạo nên mối quan hệ hòa hiếu trong cộng đồng dân cư.

Tập quán sinh sống, làm ăn riêng lẻ theo dòng tộc dần được thay thế bằng sự đan xen, hòa quyện không chỉ trong cư trú, sản xuất, mà còn trong cả quan hệ hôn nhân, gia đình. Mỗi dân tộc đều có những nét văn hóa độc đáo, phong tục tập quán riêng, nhưng đồng thời cũng có những ảnh hưởng, giao thoa, tạo nên bức tranh nhiều màu sắc. Nhiều giá trị văn hóa vật thể của đồng bào các dân tộc Quảng Chu vẫn còn được giữ gìn, lưu truyền. Từ những nếp nhà sàn truyền thống đến những bộ trang phục đậm đà bản sắc dân tộc. Cùng với các làn điệu sli, lượn của người Tày, Nùng, làn điệu dân ca của người Kinh, điệu múa tắc sinh của người Dao, những năm gần đây, các hoạt động thể thao truyền thống như kéo co, đá cầu, đẩy gậy... được khơi dậy, làm phong phú thêm những giá trị lịch sử, văn hóa của cộng đồng cư dân trên địa bàn xã.

Quảng Chu là vùng đất giàu truyền thống yêu nước, được hun đúc từ nhiều thế hệ và trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của địa phương. Ngày nay, thế hệ trẻ ở Quảng Chu tiếp tục gìn giữ những tinh hoa văn hóa bản địa và phát huy truyền thống quý báu của cha ông, phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

III. Nhân dân Quảng Chu dưới ách thống trị của thực dân Pháp và cuộc vận động đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Sau khi chiếm đóng các tỉnh Nam Kỳ, Trung Kỳ và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc. Ngày 12/01/1889, quân Pháp tập hợp một đạo quân ở Thái Nguyên mở rộng vùng chiếm đóng lên các huyện phía Bắc. Mục tiêu thứ nhất là đánh chiếm Chợ Mới, tiếp theo là đánh chiếm Chợ Chu. Ngày 17/01/1889, Pháp cho quân đánh chiếm Chợ Mới.

Sau khi chiếm đóng, thực dân Pháp chia Bắc Kạn thành 5 châu. Trong đó, châu Bạch Thông gồm 4 khu vực (tỉnh lỵ, Chợ Mới, Cao Kỳ, Phủ Thông) và 5 tổng (Phương Linh, Hà Vị, Nông Thượng, Nông Hạ và Yên

Đĩnh). Lúc này, địa phận Quảng Chu (Quảng Cố và Du Chu) nằm trong tổng Yên Đĩnh. Thực dân Pháp đặt bộ máy cai trị từ trên xuống dưới, đứng đầu là một viên tri châu. Ở các tổng có các chánh tổng, phó chánh tổng. Ở xã có lý trưởng và phó lý cai quản dân chúng. Từ năm 1931, chính quyền thực dân còn đặt thêm Hội đồng kỳ mục (có từ 3 đến 5 người, gồm lý trưởng, phó lý và các thủ bạ).

Nhằm thực hiện âm mưu chia rẽ sự đoàn kết giữa các dân tộc ở địa phương, thực dân Pháp đặt bộ máy cai trị riêng theo thành phần dân tộc, định ra một số quy định cụ thể có tính chất phân biệt đối xử, nhằm gây thù hằn giữa các dân tộc.

Bên cạnh bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn thiết lập bộ máy đàn áp quân sự. Ở tỉnh lỵ, ngoài một giám binh và phó giám binh người Pháp nắm quyền tối cao về quân sự, trực tiếp chỉ huy lính khố xanh, còn có tòa án, nhà tù và mạng lưới mật thám, cảnh sát. Ở châu có châu đoàn, các tổng có tổng đoàn, phó tổng đoàn và ở các xã có xã đoàn và lính đồng. Lính đồng là một công cụ của bọn thống trị dùng để đàn áp phong trào cách mạng, bảo vệ trật tự trị an cho chính quyền thực dân, phong kiến ở địa phương.

Dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, nhân dân các dân tộc ở Quảng Cố và Du Chu hết sức khổ

cực. Chúng câu kết chặt chẽ với nhau, ra sức cướp bóc, vơ vét của cải của nhân dân; đặt ra nhiều thứ thuế vô lý, đặc biệt là thuế đinh và thuế điền.

Thuế đinh (còn gọi là thuế thân) là thứ thuế vô nhân đạo, đánh vào đàn ông từ 18 đến 60 tuổi. Từ năm 1919, thực dân Pháp thực hiện mức thuế thân đồng loạt là 2,5 đồng/người/năm. Bên cạnh thuế đinh là thuế điền, đánh vào ruộng đất theo 3 hạng dựa trên tiêu chuẩn chất lượng tốt - xấu.

Ngoài thuế đinh và thuế điền, người dân Quảng Cố và Du Chu còn phải chịu nhiều thứ thuế khác như: Thuế môn bài, thuế nền nhà, thuế trâu, bò... Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra, thực dân Pháp còn tăng thuế môn bài lên 4 lần, thuế thân tăng hơn 3 lần, thuế điền tăng hơn 50%. Những người không có ruộng phải nhận ruộng phát canh về cày cấy, đến ngày thu hoạch nộp tô cho chủ ruộng hoặc xin vào đồn điền làm thuê. Đời sống của người dân vốn đã khó khăn lại càng thêm cùng cực.

Ngoài thuế, thực dân Pháp còn bắt người dân đi phu phen tạp dịch. Theo quy định của chúng, hằng năm mỗi người dân phải đi phu 2 lần, mỗi lần từ 10 đến 12 ngày và phải tự túc lương thực. Dân phu phải làm nhiều công việc nặng nhọc như vận chuyển đồ đạc, xây đồn, làm cầu đường...

Để dễ bề cai trị, thực dân Pháp còn thi hành chính sách kìm hãm nhân dân ta trong vòng đốt nát, lạc hậu. Trường học bị hạn chế mở, ở châu Bạch Thông chỉ có 2 trường tiểu học gồm 6 lớp (từ lớp 1 đến lớp 6), đặt tại tỉnh lỵ và thị trấn Phủ Thông. Một số trường tiểu học gồm 3 lớp ở Vị Hương, Lục Bình và Huyền Tung. Tại Quảng Cốc và Du Chu lúc này chưa có trường học. Số học sinh đến trường học phần lớn là con em hàng ngũ quan lại ở địa phương, một số ít con nhà giàu có. Đa số con em nhân dân lao động nghèo khổ không được đến trường. Tới 98% dân số Quảng Cốc và Du Chu mù chữ.

Chính quyền thực dân, phong kiến duy trì và khuyến khích những phong tục, tập quán lạc hậu, các tệ nạn xã hội. Các tệ nạn rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan... tồn tại phổ biến trong nhân dân. Với âm mưu độc quyền kinh doanh rượu, thực dân Pháp không cho người dân nấu rượu nhưng lại bắt họ phải mua rượu do chúng đem đến, nếu tự nấu rượu sẽ bị phạt nặng.

Dưới chế độ thực dân, phong kiến, việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân không được quan tâm. Toàn châu Bạch Thông chỉ có 1 y tá, 1 nữ hộ sinh và 1 thầy ký để phục vụ cho bọn thống trị. Đời sống thấp kém, điều kiện ăn ở thiếu vệ sinh nên người dân thường mắc các dịch bệnh. Do không có cơ sở

y tế điều trị nên người dân ốm đau không được cứu chữa kịp thời, phải nhờ thầy mo đến nhà cúng bái hoặc trông chờ vào may rủi. Vì vậy, tỷ lệ người chết vì bệnh tật cao.

Trước những khó khăn trong đời sống, sẵn có truyền thống đấu tranh bất khuất, nhân dân các dân tộc Quảng Cố và Du Chu đã đứng lên đấu tranh chống áp bức, bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Ngay khi ra đời, Đảng đã có Cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản, là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam nắm vững ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng trong cả nước; giải quyết tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra từ đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, cho đến cuối những năm 30 của thế kỷ XX, tỉnh Bắc Kạn chưa có cơ sở cách mạng. Tại châu Bạch Thông, trong những năm 1932 - 1934 mới chỉ diễn ra phong trào chống thuế ở các tổng Hà Vị và Nông Thượng, ở một số nơi, nhân dân đã dùng cuộc, thuổng, gây gộc chống lại sự đàn áp của thực dân, phong kiến.

Những năm 1936 - 1939, cuộc vận động dân chủ phát triển sâu rộng trong cả nước, lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân tham gia với nhiều hình thức đấu tranh phong phú. Tuy chưa có cán bộ đến tuyên truyền, gây dựng cơ sở cách mạng ở Bạch Thông, nhưng những ảnh hưởng của các phong trào dân chủ cũng lan tới đồng bào các dân tộc thông qua các tờ báo công khai của Đảng, Mặt trận Dân chủ Đông Dương như “Tin tức”, “Dân chúng”... trong đó có Quảng Cốc và Du Chu. Mặc dù ảnh hưởng của các phong trào chưa mạnh mẽ, chưa tập hợp quần chúng nhân dân vào những tổ chức cách mạng, nhưng đây là bước chuẩn bị để nhân dân các dân tộc trong châu Bạch Thông tham gia vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc khi có người dẫn đường, chỉ lối.

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách phản động, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta. Trước tình hình đó, tháng 11/1939, Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) đã chỉ thị cho cán bộ, đảng viên nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật; chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, dựa vào nông thôn để phát triển mạnh mẽ lực lượng cách mạng.

Tháng 9/1940, phát xít Nhật xâm chiếm Đông Dương. Thực dân Pháp chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng. Nhân dân ta sống trong cảnh một cổ, hai tròng. Tại Bạch Thông, thực dân Pháp đều thực hiện tăng các loại thuế. Thuế đinh tăng từ 2,5 đồng lên 3,7 đồng, sau đó lại tăng lên 5 đồng/người. Thuế điền trước đây chia làm 3 hạng, lúc này gộp lại làm một và tăng 50%. Thuế “câu bai”¹ tăng từ 0,15 đồng lên 0,3 đồng, thuế môn bài tăng lên 4 lần². Thêm vào đó là nhiều thứ thuế vô lý nhằm bòn rút tiền của người dân như thuế trâu, thuế chó, thuế đất ở, thuế rừng hoang... Ngoài ra, các mặt hàng thiết yếu với nhu cầu đời sống của nhân dân như diêm, muối, dầu thắp... đều tăng cao.

Cùng với chính sách vơ vét, bóc lột, thực dân Pháp còn đặt thêm chức phó ở các tổng và xã, gọi là “tăng thiết”, đặt thêm các chức châu úy, bang tá ở những nơi xung yếu như Phủ Thông, Chợ Mới, Yên Hân... để tăng cường kiểm soát và đàn áp nhân dân ta. Thực dân Pháp còn ra sức bắt phu đi làm đường hoặc vận chuyển hàng hóa cho chúng. Tại Quảng Cốc và Du Chu, mỗi người dân phải đi phu từ 10 đến 12 ngày. Những chính sách trên của thực dân Pháp làm cho nhân dân các dân tộc trong châu Bạch Thông hết sức căm phẫn.

1. Thuế “câu bai”: Thuế đánh vào nương rẫy ở vùng cao.

2. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975)*, tr.33.

Đầu tháng 02/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Trên cơ sở thực hiện có kết quả công tác thí điểm việc xây dựng các tổ chức cứu quốc tại Cao Bằng, từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 8 tại Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng), ban hành Nghị quyết nêu rõ: *“Muốn có lực lượng toàn quốc đủ sức gây ra và củng cố cho một cuộc khởi nghĩa thì Đảng ta phải... mở rộng sự tổ chức vào các tỉnh phong trào còn yếu ớt và dân tộc thiểu số”*¹.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, từ cuối năm 1941, đồng chí Võ Nguyên Giáp được giao nhiệm vụ phụ trách xây dựng con đường cách mạng Nam tiến từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên để mở đường về xuôi. Cuối tháng 9/1943, Chi bộ Đảng Chí Kiên thành lập, đây là chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn, đánh dấu bước ngoặt trong phong trào cách mạng.

Đến cuối năm 1943, phong trào cách mạng lan rộng ra hầu khắp các huyện, châu trong tỉnh. Châu Bạch Thông có các trục giao thông chính, lại có trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh nằm trên địa bàn.

1. Huyện Chợ Mới - Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2012), tr.27.

Dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, Bạch Thông luôn là nơi tập trung của bộ máy chính quyền nhằm phục vụ cho công việc đàn áp. Bên cạnh đó, tại Bạch Thông từ lâu đã hình thành một đội ngũ phản động, chuyên phục vụ cho thực dân, phong kiến để vun vén quyền lợi cá nhân. Vì vậy, trong điều kiện chính trị phức tạp, bị kiểm soát gắt gao nên chưa thể hình thành cơ sở cách mạng tại đây.

Đến tháng 8/1944, một cán bộ Việt Minh là ông Hoàng Văn Miên từ Định Hóa sang bắt liên lạc và gây dựng cơ sở ở Nhì Ca (xã Như Cố), kết nạp một số quần chúng vào các hội cứu quốc. Tháng 10/1944, hai đồng chí trong Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là Nông Văn Quang và Long Giang tiếp tục đến Nhì Ca củng cố phong trào. Từ đây, cơ sở cách mạng phát triển nhanh ra các xã Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, thị trấn Chợ Mới, Yên Đĩnh, Cao Kỳ, sau đó mở rộng ra Quảng Cốc, Du Chu... Đội tự vệ vũ trang ra đời tại Bạch Thông, bí mật tập luyện chuẩn bị khởi nghĩa. Nhân dân 2 xã Quảng Cốc, Du Chu và các vùng lân cận ủng hộ gạo, muối để nuôi cán bộ và tự vệ.

Ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Trước tình hình đó, ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*", nêu rõ khẩu

hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” thay cho khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật - Pháp” và phát động cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa. Ngày 17/3/1945, quân Nhật kéo vào lập đồn ở Chợ Mới và thị xã Bắc Kạn. Hệ thống chính quyền bù nhìn, tay sai của thực dân Pháp bị tê liệt. Từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4/1945, phong trào cách mạng ở Chợ Mới đã có nhiều chuyển biến.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng trên địa bàn, quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối vũ trang giành chính quyền, theo sự chỉ đạo của Đảng, giữa năm 1945, 2 xã Quảng Cốc và Du Chu đã thành lập lực lượng cảnh giới có nhiệm vụ tuần tra và kịp thời báo cho nhân dân né tránh quân Nhật tuần tra nhằm hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất. Do điều kiện khó khăn nên trang bị của đội còn khá thô sơ, chủ yếu là gậy gộc, giáo mác, dao găm... Đội thường tập trung tập luyện những bài quân sự đơn giản, phổ thông như tập võ, luyện kiếm, đánh gậy... đồng thời tranh thủ buổi tối đi tuyên truyền về Mặt trận Việt Minh cho nhân dân trong các xóm.

Đầu tháng 8/1945, tình hình trong nước và thế giới có nhiều chuyển biến có lợi cho cách mạng. Ở Quảng Cốc và Du Chu, phong trào cách mạng lên cao, Mặt trận Việt Minh đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền hướng đến

mục tiêu giành chính quyền, khí thế cách mạng sục sôi trong nhân dân.

Ngày 05/8/1945, phát xít Đức bị đánh bại trên mặt trận Châu Âu và hạ vũ khí đầu hàng. Ở Châu Á, quân đội Liên Xô tấn công như vũ bão, đánh bại đội quân Quan Đông hùng mạnh của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Nắm bắt thời cơ “ngàn năm có một” để phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc đã ra “*Quân lệnh số 1*”, phát lệnh khởi nghĩa trong cả nước. Trong khí thế thành công của cuộc Tổng khởi nghĩa ngày 19/8/1945, đêm 24, rạng sáng 25/8/1945, hàng chục thanh niên ở Quảng Cố, Du Chu và các địa phương lân cận đã kéo lên tỉnh lỵ Bắc Kạn phối hợp cùng nhân dân các xã tuần hành thị uy, cướp chính quyền từ tay Nhật. Một cuộc mít tinh lớn diễn ra tại tỉnh lỵ, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam trở thành một nước tự do, độc lập, người dân vùng lên đập tan hai tầng xiềng xích của thực dân Pháp và phát xít Nhật đồng thời lật đổ chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm, nắm quyền làm chủ vận mệnh. Dưới sự

lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, nhân dân Quảng Cố và Du Chu phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết một lòng tiếp tục bước vào những giai đoạn cách mạng mới, giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Chương I

XÃ QUẢNG CHU TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

I. Xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và thực hiện nhiệm vụ kiến quốc (1945 - 1946)

Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tuyên bố trước quốc dân và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Trong ngày hội của toàn dân tộc, không khí vui mừng lan đến từng thôn, xóm; khắp nơi ngập tràn sắc đỏ của cờ, hoa, biểu ngữ... Nhân dân Quảng Cố và Du Chu thể hiện niềm phấn khởi, quyết tâm bảo vệ chế độ mới. Cán bộ cách mạng qua quá trình vận động khởi nghĩa đã trưởng thành hơn về nhiều mặt, chủ động và nhạy bén trước các biến chuyển của tình hình trong nước; quần chúng nhân dân được rèn luyện trong đấu tranh càng vững vàng, kiên định về lý tưởng.

Tuy nhiên, những ngày đầu vừa giành lại độc lập, địa phương cũng gặp nhiều khó khăn, thử thách to lớn. Chính quyền cách mạng còn non trẻ, trong khi đó phải

lãnh đạo nhân dân khôi phục nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, bị vơ vét đến kiệt quệ, phần lớn diện tích đất nông nghiệp vẫn nằm trong tay địa chủ. Nạn đói và nhiều dịch bệnh diễn ra trong năm 1945 khiến đời sống nhân dân càng thêm khó khăn. Hậu quả của nền văn hóa thực dân để lại còn nặng nề, đại đa số nhân dân Quảng Cố và Du Chu không biết chữ. Các hủ tục, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan vẫn còn phổ biến. Trong khi đó, lực lượng cán bộ còn thiếu, chưa đáp ứng kịp với yêu cầu cách mạng, nhất là trong công tác chính quyền.

Sau khi cách mạng thành công, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời 2 xã Quảng Cố và Du Chu thành lập đã đáp ứng mong mỏi của nhân dân. Nhiệm vụ đặt ra lúc này đối với chính quyền các xã là phải nhanh chóng giải quyết “giặc đói”, “giặc dốt”, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến.

Ngày 25/11/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “*Kháng chiến kiến quốc*”, xác định rõ nhiệm vụ cấp bách của cách mạng nước ta là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời 2 xã Quảng Cố và Du Chu triển khai thực hiện diệt “giặc đói”, “giặc dốt”, chống giặc ngoại xâm, hưởng ứng “*Tuần lễ vàng*”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa (mỗi bữa một bơ), đem gạo đó để cứu dân nghèo”, các gia đình ở Quảng Cốc và Du Chu lập hũ gạo cứu đói giúp đỡ các hộ gặp khó khăn với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “một miếng khi đói bằng một gói khi no” để khắc phục tình trạng thiếu đói. Nhằm giải quyết nạn đói lâu dài, dưới sự điều hành của chính quyền xã, nhân dân Quảng Cốc và Du Chu tích cực đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, thực hiện triệt để khẩu hiệu “Tắc đất, tắc vàng”, “Không để tắc đất bỏ hoang”, tiến hành khai hoang, phục hóa, gieo trồng các loại cây lương thực như lúa, ngô, khoai, sắn...

Những biện pháp khuyến khích nhân dân tăng gia sản xuất nhanh chóng được triển khai. Ở Quảng Cốc và Du Chu lúc này sản xuất chủ yếu vẫn là nông nghiệp canh tác lúa một vụ trên những ruộng thấp ở ven sông, suối. Bên cạnh trồng lúa, nhân dân cũng trồng thêm ngô khi đất rỗi (vụ lúa từ tháng 4 đến tháng 9). Song song với đó, chính quyền cũng tiến hành giảm tô 25% và vận động những gia đình cho vay hoãn nợ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho nông dân...

Song song với diệt “giặc đói” là cuộc vận động diệt “giặc dốt”, bài trừ tệ nạn xã hội và xây dựng đời sống mới. Trong phiên họp Chính phủ lâm thời ngày

03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”, việc phải thực hiện ngay lúc này là nâng cao dân trí. Ban bình dân học vụ các xã Quảng Cố và Du Chu ra đời đã tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia học tập. Ban ngày, người dân ra đồng tăng gia sản xuất, buổi tối đến các lớp học chữ. Bên cạnh đó, nhiều hình thức học tập được áp dụng và phát huy hiệu quả như tổ chức nhiều buổi sinh hoạt văn nghệ có lồng ghép học chữ... Các cán bộ phụ trách đẩy mạnh các hình thức vận động người dân tham gia.

Trong thời gian ngắn, các lớp bình dân học vụ được tổ chức ở khắp các thôn, xóm, lồi cuốn đông đảo các tầng lớp, giai cấp, lứa tuổi, từ các em thiếu nhi, chị em phụ nữ đến các cụ già; từ các chị em buôn bán, thợ thủ công đến nông dân, ai cũng hăng hái tham gia học tập, lá chuối, mo cau được dùng làm giấy viết, đất sét thay cho phấn... Những người biết chữ tự nguyện làm “chiến sĩ diệt dốt”, đội ngũ cán bộ năng nổ, nhiệt tình tham gia công tác. Phụ trách công tác bình dân học vụ tại Quảng Cố là ông Lưu Văn Bình, tại Du Chu là ông Lê Quảng Nghi, các lớp bình dân học vụ mở chủ yếu vào buổi tối, có số ít lớp học buổi trưa. Ở mỗi thôn đều có lớp xóa mù chữ, ban đầu học ở nhà dân, về sau tổ chức ở các địa điểm công cộng. Công tác kiểm tra học tập của nhân dân được tiến hành thường xuyên.

Những trạm hỏi chữ được lập ở địa điểm công cộng như chợ. Người dân đi chợ qua điểm hỏi chữ nếu đọc được chữ thì vào chợ bằng “cổng sáng”, còn không đọc được thì phải đi “cổng tối”.

Cuộc vận động xây dựng đời sống mới với nội dung giáo dục tinh thần yêu nước, yêu lao động, thực hiện quyền bình đẳng nam nữ được đẩy mạnh. Những thói hư tật xấu do chế độ cũ để lại, các hủ tục trong ma chay, cưới xin, các thói xấu như rượu chè, cờ bạc, thuốc phiện, các tệ nạn mê tín dị đoan, bói toán, trộm cắp... dần được hạn chế. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao mang tính quần chúng thường xuyên được tổ chức, thu hút đông đảo nhân dân tham gia sôi nổi.

Xác định củng cố chính quyền là vấn đề cơ bản, hàng đầu của cách mạng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu. Thực hiện Sắc lệnh 51 ngày 17/10/1945 của Chính phủ, từ cuối năm 1945, toàn huyện Bạch Thông đẩy mạnh công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên. Quần chúng được tuyên truyền nên nhận thức được tầm quan trọng của việc bầu cử, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc lựa chọn đại diện xứng đáng vào Quốc hội. Ngày 06/01/1946, hơn 95% cử tri Quảng Cốc và Du Chu nô nức, phấn khởi tham gia bỏ phiếu. Cuộc bầu cử diễn ra thắng lợi, thể

hiện lòng yêu nước thiết tha của quần chúng và quyết tâm ủng hộ, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I, thực hiện chủ trương về việc kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, nhân dân Quảng Cố và Du Chu khẩn trương chuẩn bị cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã. Tháng 4/1946, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ về việc xóa bỏ cấp tổng, các xã Quảng Cố, Du Chu, Như Cố, Yên Đĩnh và Thanh Bình sáp nhập thành một xã lấy tên là Yên Đĩnh. Lúc này, Quảng Cố và Du Chu là 2 thôn thuộc xã Yên Đĩnh.

Để phát triển phong trào cách mạng và tạo lực lượng lãnh đạo nhân dân địa phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1946, Huyện ủy Bạch Thông đã quyết định thành lập Chi bộ Đảng xã Yên Đĩnh với 15 đảng viên¹. Sự ra đời của Chi bộ Đảng xã Yên Đĩnh đã đánh dấu bước phát triển mới trong phong trào cách mạng ở địa phương.

Để thuận lợi trong việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ cách mạng ở địa phương, tổ Đảng Quảng Cố và tổ Đảng Du Chu cũng được thành lập, trong đó

1 Hoàng Văn Tạ, Triệu Văn Yên, Hà Văn Chí, Dương Văn Chu, Hà Văn Thố, Nguyễn Văn Hoa, Hà Văn Cát, Ma Phúc Hỷ, Ma Văn Lương, Ma Văn Siêu, Dương Văn Thị, Dương Văn Mạ, Lộc Văn Hòa, Hoàng Văn Quyền, Vi Văn Sơ.

tổ Đảng Quảng Cốc có 3 đảng viên, gồm các đồng chí Ma Văn Siêu, Dương Văn Thị, Dương Văn Mạ do đồng chí Ma Văn Siêu làm Tổ trưởng; tổ Đảng Du Chu có 3 đảng viên gồm các đồng chí Lộc Văn Hòa, Hoàng Văn Quyến, Vi Văn Sơ, do đồng chí Lộc Văn Hòa làm Tổ trưởng. Lúc này, các tổ Đảng trực thuộc Chi bộ Đảng Yên Đĩnh. Sau khi thành lập, tổ Đảng được giao nhiệm vụ trực tiếp lãnh đạo phong trào tại Quảng Cốc và Du Chu như: bình dân học vụ, củng cố dân quân, du kích... Tổ Đảng ra đời và hoạt động mạnh mẽ đã tạo điều kiện để địa phương đẩy mạnh phát triển công tác Đảng, kết nạp thêm đảng viên mới.

Tháng 4/1946, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã Yên Đĩnh được tiến hành. Tại kỳ họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân bầu các chức danh của Ủy ban hành chính, trong đó đồng chí Mã Ngọc Tinh giữ chức Chủ tịch, đồng chí Hà Văn Cát làm Phó Chủ tịch, đồng chí Bảo Văn Hành làm Ủy viên Thư ký. Trong bộ máy chính quyền xã Yên Đĩnh, có đồng chí Ma Văn Siêu là người của Quảng Chu.

Giữa lúc đời sống của nhân dân Quảng Cốc và Du Chu bước đầu đi vào ổn định thì thực dân Pháp ngày càng bộc lộ rõ dã tâm xâm lược Việt Nam lần nữa. Từ cuối năm 1946, thực dân Pháp liên tục gây hấn ở nhiều nơi. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Trung

ương Đảng quyết định phát động toàn quân, toàn dân tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ngày 19/12/1946, “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát đi khắp cả nước, thể hiện rõ quyết tâm của toàn dân Việt Nam:

“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm. Không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước...”¹.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.1018.

Cùng với lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị *“Toàn dân kháng chiến”*, nêu rõ nội dung cơ bản của cuộc kháng chiến là toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh.

II. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Quảng Cốc và Du Chu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1947 - 1954)

Ngay khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 01/SL (ngày 20/12/1946) về việc thành lập các Ủy ban bảo vệ (sau đó đổi thành Ủy ban kháng chiến) cùng tồn tại song song với Ủy ban hành chính. Tiếp đó, cuối năm 1947, để phù hợp với tình hình thời chiến, Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh số 91/SL về việc thành lập Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính cấp địa phương. Thực hiện Sắc lệnh, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính xã Yên Đĩnh được sáp nhập thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính (sau gọi là Ủy ban kháng chiến hành chính). Cùng với đó, các đoàn thể được kiện toàn, đẩy mạnh động viên nhân dân thực hiện những nhiệm vụ trước mắt của địa phương.

Chi bộ Đảng xã Yên Đĩnh khẳng định sứ mệnh lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối kháng chiến, đồng thời xác định nhiệm vụ trọng tâm xây dựng hậu

phương vững mạnh, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu mới, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Mặt trận Việt Minh trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là lực lượng nòng cốt tập hợp quần chúng tham gia đấu tranh giành chính quyền. Sau khi cách mạng thành công, Mặt trận Việt Minh tiếp tục được tổ chức để phát huy vai trò của mình. Tại xã Yên Định, trong những năm đầu xây dựng chính quyền nhân dân, các đoàn thể như: Hội Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc... có vai trò quan trọng trong việc tập hợp mọi lực lượng, thành phần nhân dân để củng cố và bảo vệ thành quả của cách mạng, đối phó với các lực lượng phản động, chuẩn bị với tình hình chiến sự đang diễn ra.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, các địa phương ngoài vùng chiến sự được lệnh chuẩn bị đón nhân dân miền xuôi lên tản cư. Chấp hành Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh *"Vô luận thế nào Ủy ban hành chính không được bỏ dân bơ vơ"*, trong năm 1947, Ban tiếp cư xã Yên Định thành lập, phối hợp cùng các đoàn thể quần chúng giúp đỡ nhân dân sơ tán đến nhanh chóng ổn định cuộc sống. Phát huy tinh thần tương thân tương ái, nhân dân Quảng Cố và Du Chu đã đóng góp ngày công, ủng hộ tre, nứa... dựng lán, nhà, chia ruộng để cùng sản xuất.

Yên Đĩnh là xã nằm trên Quốc lộ 3 lại là cửa ngõ quan trọng từ Cao Bằng, Bắc Kạn về Thái Nguyên, do đó, Chi bộ Đảng và chính quyền xã rất coi trọng việc giáo dục nhân dân ý thức bảo mật phòng gian, sẵn sàng đánh địch. Mọi người dân từ già đến trẻ đều thực hiện khẩu hiệu “*Ba không*” (không biết, không nghe, không thấy) một cách triệt để. Lực lượng dân quân xã tham dự các lớp tập huấn ngắn ngày về công tác chuẩn bị kháng chiến như: báo động, truyền tin, sử dụng vũ khí...

Thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh Bắc Kạn và huyện Bạch Thông, nhân dân Quảng Cốc, Du Chu và toàn xã Yên Đĩnh đã làm tốt công tác “*triệt để phá hoại để kháng chiến*” nhằm hạn chế khả năng cơ động và ưu thế về vũ khí hiện đại của địch, cản bước tiến của kẻ thù. Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “*Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào kẻ địch vậy*”¹, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Yên Đĩnh đã hoàn thành nhiệm vụ “*Tiêu thổ kháng chiến*”.

Nhiệm vụ xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, tăng cường quân sự cũng được địa phương quan tâm, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là củng cố và từng bước kiện toàn Xã đội. Việc xây dựng lực lượng vũ trang xã

1. Những sự kiện lịch sử Đảng (1945 - 1954), tập II, Nxb. Sự thật, tr.114.

Yên Đĩnh được triển khai nhanh chóng. Cấp ủy Đảng cũng xác định rõ nhiệm vụ trước mắt của Xã đội là củng cố và phát triển lực lượng dân quân tự vệ địa phương, sẵn sàng chiến đấu và phối hợp chiến đấu đánh địch, bảo vệ quê hương. Đồng thời, lực lượng vũ trang xã Yên Đĩnh được Bộ Chỉ huy Khu 1 cấp 10 quả mìn dừa, 30 quả mìn muối và lựu đạn. Cuối tháng 9/1947, xã còn được cấp thêm súng kíp, lựu đạn chày và các nguyên liệu chì để chế tạo đạn súng kíp.

Về chăm lo phát triển kinh tế, thực hiện Chỉ thị “*Kháng chiến kiến quốc*” của Trung ương Đảng, nhân dân xã Yên Đĩnh vừa chuẩn bị kháng chiến vừa ra sức tăng cường sản xuất. Các đoàn thể quần chúng tuyên truyền, giải thích, khuyến khích nhân dân tăng gia sản xuất, đẩy mạnh thâm canh và không để ruộng bỏ hoang.

Chi bộ Đảng và chính quyền xã Yên Đĩnh đẩy mạnh công tác chuẩn bị kháng chiến. Các phong trào ủng hộ kháng chiến như: “*Quỹ nuôi quân*”, “*Mùa đông binh sĩ*”... được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Mặc dù cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng nhân dân Quảng Cố và Du Chu vẫn tự nguyện dành gạo, tiền nuôi dân quân, du kích và bộ đội.

Ngày 07/10/1947, thực dân Pháp cho 300 quân nhảy dù xuống chiếm Chợ Mới nhằm án ngữ tuyến đường Thái Nguyên đi Bắc Kạn, sau đó hành quân xuống

Thái Nguyên nhằm tìm cách đánh lên An toàn khu Định Hóa. Thực dân Pháp liên tiếp cho máy bay ném bom dọc theo Quốc lộ 3. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Huyện ủy, Chi bộ Đảng xã Yên Đĩnh một mặt ổn định tư tưởng trong nội bộ Đảng và quần chúng, mặt khác nhanh chóng đưa người dân ven Quốc lộ 3 sơ tán vào trong rừng để tránh bom đạn. Lực lượng dân quân, du kích thường xuyên luyện tập, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng phối hợp với bộ đội chủ lực, đánh địch.

Ngày 12/10/1947, dân quân, du kích xã Yên Đĩnh và các địa phương phối hợp đánh Pháp tại Khe Tao, cách Chợ Mới 8km. Mặc dù địch tổn thất không lớn nhưng làm chúng luôn hoang mang, lo sợ bị tấn công, phục kích. Ngày 17/10/1947, dân quân, du kích xã Yên Đĩnh được sự hỗ trợ từ Tiểu đoàn 19 (từ Cù Vân lên) tập kích quân địch tại Chợ Mới. Qua 4 giờ chiến đấu kiên cường, lực lượng ta đã tiêu diệt được 50 tên địch, đốt 1 kho quân nhu, phá một số nhà ở của địch. Trận đánh này khiến địch bị tổn thất nặng nề và phải tăng thêm quân chi viện từ Chợ Đồn sang.

Ngày 03/11/1947, quân Pháp hầu hết là bộ binh được trang bị đầy đủ vũ khí hành quân từ Chợ Mới qua Đèo Vai xuống đồn Đu. Vừa hành quân, chúng vừa bắn vào các bản làng dọc theo 2 bên đường để uy hiếp người

dân và dân quân, du kích. Phán đoán địch có thể cho quân lùng sục, cướp phá tại khu vực Đèo Vai, đồng chí Hoàng Văn Tân - Đại Đội trưởng Đại đội 504 du kích Yên Định đã chỉ huy 14 du kích phục kích tại khu vực Vài Nòn. Kết quả, ta tiêu diệt được 20 tên địch, làm bị thương nhiều tên khác, đội dân quân, du kích được bảo toàn lực lượng.

Hưởng ứng phong trào ghi tên tòng quân của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bắc Kạn và huyện Bạch Thông phát động, một số thanh niên Quảng Cốc và Du Chu đã xung phong ghi tên tòng quân ra chiến trường ngay từ những ngày đầu cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Những thất bại liên tiếp trên chiến trường Việt Bắc từ cuối năm 1947 đã làm phá sản chiến lược *"Đánh nhanh thắng nhanh"* của thực dân Pháp. Ngày 25/11/1947, quân Pháp rút khỏi Chợ Mới tiến về thị xã Bắc Kạn. Chỉ trong 50 ngày đêm, dân quân, du kích xã Yên Định phối hợp với bộ đội chủ lực chặn đánh 8 trận, diệt 75 tên địch, làm bị thương hàng chục tên, phá hủy nhiều kho tàng, thu nhiều vũ khí, quân dụng...

Mặc dù thất bại trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, thực dân Pháp vẫn cố bám lấy Bắc Kạn với ý đồ chiếm đóng lâu dài, làm bàn đạp để đánh lên Việt Bắc khi có thời cơ. Yên Định là một trong những nơi

thực dân Pháp rất chú trọng. Tại Yên Đĩnh đã xuất hiện mầm mống tổ chức phản động “Việt Nam phục quốc hội” do 3 tên cầm đầu: Lương Đình Tông (từng làm chánh tổng), Ma Văn Tông (từng làm chánh tổng) và La Cát Kim (từng làm thủ bạ). Tổ chức này hoạt động và phát triển thông qua con đường đưa người vào các đoàn vận tải lên xã Đào Lâm, sau đó lan đến Cao Hòa, Nông Hạ. Thành phần của “Việt Nam phục quốc hội” là những tên tay sai dưới thời Pháp thuộc¹. Trước tình hình đó, Chi bộ Đảng xã Yên Đĩnh đã lãnh đạo nhân dân hết sức nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, chống lại các thế lực phản động, góp phần đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp.

Lực lượng dân quân, du kích ngày càng nâng cao về chất lượng và tăng cường về số lượng. Đến năm 1948, xã Yên Đĩnh có 1 trung đội dân quân, du kích, tại Quảng Cố và Du Chu mỗi thôn có một tiểu đội dân quân, du kích. Ngoài nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, đội dân quân, du kích còn là nguồn bổ sung quân số cho lực lượng vũ trang của huyện. Các đồng chí cán bộ chỉ huy được bồi dưỡng thông qua các lớp huấn luyện cơ bản về quân sự.

1. Theo Báo cáo 590 ngày 21/11/1948 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bắc Kạn.

Nhân dân Quảng Cổ và Du Chu tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Năm 1948, để phục vụ chiến dịch Cao - Bắc - Lạng của Trung ương, xã Yên Đĩnh đã vận động nhân dân đóng góp lương thực, thực phẩm cho tiền tuyến.

Song song với công tác củng cố và chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng, công tác xây dựng và củng cố chính quyền, đoàn thể cũng ngày càng kiện toàn. Tháng 4/1949, cử tri Quảng Cổ và Du Chu đi bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Hội đồng nhân dân xã Yên Đĩnh tiến hành bầu cử Ủy ban kháng chiến hành chính xã, trong đó đồng chí Ma Văn Siêu giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính.

Cuối năm 1949, theo chỉ thị của Trung ương Đảng, với khẩu hiệu "*Chuyển trọng tâm công tác xuống xã*", Chi bộ Đảng và chính quyền xã Yên Đĩnh tiến hành thực hiện cuộc vận động "*Chấn chỉnh cấp xã*". Nội dung cuộc vận động gồm: Xây dựng Đảng vững mạnh, khai trừ những đảng viên yếu kém ra khỏi Đảng; kết nạp thêm những quần chúng thuộc thành phần bần, cố nông, công nhân, phụ nữ dân tộc ít người có năng lực vào bộ máy chính quyền; tổ chức, chấn chỉnh lại các đội dân quân, du kích, xây dựng làng chiến đấu... Kết quả của cuộc vận động đã bước đầu làm thay đổi chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền. Tuy vậy, so với mục

đích đề ra thì chất lượng cuộc vận động vẫn còn thấp.

Năm 1950, căn cứ vào tình hình chiến trường và tương quan lực lượng, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định chuyển cuộc kháng chiến từ bị động đối phó sang chủ động phản công. Vì thế, việc bảo vệ Quốc lộ 3 an toàn và thông suốt cũng như việc chống gián điệp, giữ bí mật, bảo vệ cơ sở kháng chiến được coi là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của Chi bộ Đảng.

Để làm tốt công tác an ninh, bảo mật, Chi bộ Đảng và chính quyền xã Yên Đĩnh quán triệt chỉ đạo trong nhân dân về chủ trương “*Ba không*” với phương châm “*Giữ bí mật là yêu nước*”. Ban trật tự của xã được thành lập, nhân dân tản cư đến xã đều được quản lý chặt chẽ, người lạ mặt qua làng hằng ngày đều bị kiểm tra. Nhờ thực hiện cẩn trọng công tác an ninh nên hạn chế các hoạt động gián điệp, do thám phá hoại của địch trên địa bàn.

Sau chiến dịch Biên giới năm 1950, biên giới Việt - Trung được khai thông, quan hệ giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa được mở rộng. Lúc này đoạn Quốc lộ 3 đi qua xã Yên Đĩnh về Thái Nguyên và lên Cao Bằng trở thành con đường chiến lược quan trọng để chuyển quân, vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men từ hậu phương chi viện cho cuộc kháng chiến. Trước tình hình quân Pháp tăng cường

bắn phá, Chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân tích cực sửa chữa, khôi phục, nâng cấp đoạn Quốc lộ 3 đảm bảo giao thông được thông suốt.

Những năm 1952 - 1953, nhân dân Quảng Cổ và Du Chu tiếp tục duy trì *"Hũ gạo kháng chiến"* để ủng hộ bộ đội đóng tại địa phương. Bên cạnh đó, nhân dân các dân tộc Quảng Cổ và Du Chu tích cực động viên lớp thanh niên lên đường nhập ngũ, đặc biệt là trong những chiến dịch lớn như: Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng, chiến dịch Điện Biên Phủ...

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ chiến đấu, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền xã Yên Đĩnh, nhân dân Quảng Cổ và Du Chu không ngừng tăng gia sản xuất đảm bảo đời sống, đồng thời đóng góp để phục vụ kháng chiến. Ủy ban kháng chiến hành chính xã Yên Đĩnh nghiêm túc thực hiện chủ trương *"Triệt để giảm 25% địa tô và lãi, bỏ những thứ địa tô phụ, bỏ chế độ quá điền"*.

Ngay sau khi giành được chính quyền năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiều địa phương đã tiến hành giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất cho nông dân... Tuy nhiên, do điều kiện chiến tranh nên việc thực hiện các chính sách trên còn nhiều hạn chế. Thực hiện các Sắc lệnh giảm tô số 78-SL ngày 14/7/1949 và 149/SL

ngày 12/4/1953, cuối năm 1953, xã Yên Đĩnh tiến hành giảm tô. Dưới sự chỉ đạo của Liên khu Việt Bắc, tỉnh Bắc Kạn, huyện Bạch Thông được chia làm 4 khu vực để tiện cho việc chỉ đạo phát động quần chúng đấu tranh với địa chủ, cường hào¹. Trong đó, địa bàn Quảng Cốc và Du Chu thuộc khu vực Yên Đĩnh, Yên Hân.

Theo chỉ đạo của Khu ủy Liên khu Việt Bắc, 4 xã phía Nam huyện Bạch Thông là Yên Đĩnh, Yên Hân, Thanh Mai và Cao Hòa được chọn làm thí điểm phát động giảm tô, giảm tức, đánh đổ địa chủ, cường hào đợt 3.

Để tiến hành các công việc thuận lợi, trong quá trình thực hiện giảm tô, năm 1954, xã Yên Đĩnh tách thành 4 xã: Yên Đĩnh, Thanh Bình, Như Cốc và Quảng Chu (trên cơ sở sáp nhập Quảng Cốc và Du Chu). Khi mới tách xã, Quảng Chu có 10 thôn nằm ở 2 khu vực được chia tách bởi sông Cầu: Nà Lăng, Con Kiến, Bản Nhuần, Bản Đén, Nà Choọng (Quảng Cốc trước đây) và Đồng Luông, Làng Chẽ, Làng Diên, Cửa Khe, Đèo Vai (Du Chu trước đây). Dân số của xã Quảng Chu (cả 2 khu vực) lúc này có khoảng 110 hộ với 700 nhân khẩu (trong đó, Quảng Cốc có 56 hộ với 400 nhân khẩu, Du Chu có 54 hộ với 300 nhân khẩu).

1. Các khu vực được chia là: 1. Yên Đĩnh, Yên Hân; 2. Hòa Bình, Tân Tiến, Quyết Thắng, Chiến Thắng, Đào Lâm, Đoàn Kết; 3. Phong Quang, Phong Lưu, Huyền Tung; 4. Thanh Mai, Cao Hòa.

Ngay sau khi chia tách xã, Đội giảm tô đã chỉ đạo thành lập chính quyền, xây dựng tổ chức Đảng và củng cố, kiện toàn các đoàn thể quần chúng. Đồng chí Lê Văn Túc được chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Quảng Chu.

Năm 1954, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu¹ được thành lập với 13 đảng viên² do đồng chí Lộc Văn Hòa làm Bí thư Chi bộ. Sự ra đời của Chi bộ Đảng Quảng Chu là sự kiện chính trị quan trọng, có ý nghĩa to lớn với phong trào cách mạng và đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng ở địa phương đang đòi hỏi, ngay từ khi thành lập, Chi bộ đảm đương trọng trách lãnh đạo đồng bào các dân tộc ở Quảng Chu tham gia cuộc kháng chiến của cả dân tộc, đồng thời xây dựng địa phương vững mạnh.

Đội giảm tô tổ chức cho nhân dân trong xã học tập các chủ trương, chính sách, sắc lệnh giảm tô của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, bao gồm: Sắc lệnh giảm tô 25% tháng 11/1945, Sắc lệnh số 87/SL năm 1952 và Sắc lệnh số 149/SL năm 1953 giảm tô thêm 25%. Căn cứ theo các sắc lệnh, địa chủ nào chưa giảm tô thì bây giờ phải trả số nợ đó nếu không trả đủ nợ

1. Trong thời gian Quảng Chu thuộc xã Yên Đĩnh (1946 - 1954), tổ Đảng Quảng Cổ và Du Chu sinh hoạt trong Chi bộ Đảng Yên Đĩnh.

2. 13 đảng viên gồm: Ma Văn Thọ, Ma Thị Cao, Ma Văn Siêu, Ma Văn Hiên, Dương Văn Lương, Ma Thị Thiết, Dương Văn Mạ, Dương Văn Thi, Hoàng Văn Thắng, Dương Văn Miên, Lộc Văn Hòa, Ma Thị Linh, Dương Văn Lắm.

thì bị tịch thu tài sản phân phát cho nông dân. Quần chúng nhân dân được phân loại thành: cố nông; bần nông; trung nông lớp dưới, trung nông giữa và trung nông lớp trên; phú nông và trên hết là địa chủ. Những người có tiền của, tài sản tham gia làm việc cho Pháp, Nhật, có hành vi hung hăng, hống hách, gian ác, bóc lột nhân dân bị quy là cường hào gian ác.

Trên địa bàn Quảng Chu do không có địa chủ, chỉ có một số ít phú nông nên cuộc đấu tố không gay gắt và quyết liệt. Sau khi cuộc vận động giảm tô kết thúc, nhiều gia đình giàu có đã nộp một phần ruộng đất cho tập thể, hạn chế sự chênh lệch và bóc lột giàu nghèo. Cuộc vận động giảm tô ở Quảng Chu thành công, nhân dân thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền. Đồng bào người Dao vốn có tập quán di canh, di cư lúc này dưới sự vận động của chính quyền đã ổn định đời sống, định cư ở một nơi cố định, yên tâm lao động sản xuất.

Với tinh thần *“Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”*, hàng trăm lượt người dân Quảng Chu đã tham gia dân công, vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí... phục vụ cho các chiến dịch Tây Bắc và Điện Biên Phủ. Song song với việc thực hiện nghĩa vụ hậu phương, xã còn thực hiện tốt việc động viên thanh niên lên đường nhập ngũ.

Phát huy truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất, kiên cường chống giặc ngoại xâm, nhân dân trong xã đã phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu góp phần thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trong giai đoạn từ năm 1950 đến năm 1953, được sự đùm bọc, giúp đỡ của Đảng bộ và nhân dân xã Quảng Chu, Viện Nghiên cứu quân giới (nay là Viện Thiết kế vũ khí Bộ Quốc phòng) đã nghiên cứu và chế tạo thành công nhiều loại vũ khí như SKZ-60, ngòi nổ chậm, nấu thép bằng lò hồ quang và nghiên cứu phá bom nổ chậm, đã góp phần phục vụ bộ đội chiến đấu và chiến thắng giặc Pháp xâm lược.

Cũng trong giai đoạn này, tại thôn Đèo Vai, xã Quảng Chu, để đáp ứng kịp thời số lượng cán bộ trong đội ngũ quân đội phục vụ cho cách mạng trường kỳ, Phân viện Pháo binh thuộc Trường Võ bị Quốc Tuấn được thành lập. Đây là di tích lịch sử cách mạng kháng chiến ở Quảng Chu.

Sau *"56 ngày đêm khoét núi, ngủ hầm mưa dầm cơm vắt"*, với chiến thắng Điện Biên Phủ *"lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu"*, chúng ta buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Trong kháng chiến, cán bộ, đảng viên với lòng nhiệt huyết và trung thành với sự nghiệp cách mạng đã

quán triệt, chỉ đạo nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước một cách đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể ở địa phương, tạo được niềm tin trong nhân dân. Sau khi ra đời, Chi bộ Đảng lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ trong giai đoạn lịch sử mới.

Chương II

CHI BỘ ĐẢNG XÃ QUẢNG CHU LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, CHI VIỆN CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM (1954 - 1965)

I. Thực hiện cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi với bản Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết tháng 7/1954 đã đưa cách mạng nước ta bước sang giai đoạn mới, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong không khí hòa bình nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Chu bước vào một giai đoạn cách mạng mới trong điều kiện phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách. Dân cư trên địa bàn xã còn thưa thớt, phân bố không đồng đều, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn kém phát triển. Kinh tế nông - lâm nghiệp là chủ đạo nhưng phương thức sản xuất còn lạc hậu, mang nặng tính chất "*Tự cấp, tự túc*", lại nhiều năm tập trung cho kháng chiến nên chưa có điều kiện đẩy mạnh sản xuất. Ruộng cấy lúa trên địa bàn xã phần

lớn chỉ canh tác được một vụ, nhiều nơi đất cằn cỗi, độ dốc cao khó sản xuất.

Tuy nhiên, sau ngày giải phóng, cùng với nhân dân miền Bắc, nhân dân xã Quảng Chu có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển, kiến thiết xây dựng quê hương. Với tinh thần phấn khởi trong không khí ngày giải phóng, nhân dân nhanh chóng bắt tay hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Trải qua quá trình đấu tranh gian khổ trong kháng chiến, cán bộ, đảng viên trưởng thành hơn, tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong công tác, có bản lĩnh vững vàng, cùng với nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Trước tình hình thực tế và những chủ trương của Đảng, Nhà nước và sự chỉ đạo chặt chẽ của Huyện ủy Bạch Thông, năm 1954, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu tiến hành Đại hội, xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian trước mắt là: Tiếp tục lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống, phát triển kinh tế, nêu cao tinh thần đoàn kết, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ. Trong đó, Chi bộ Đảng đặc biệt chú trọng đến việc nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đại hội bầu đồng chí Lộc Văn Hòa làm Bí thư Chi bộ.

Xuất phát từ đặc điểm xã Quảng Chu là một xã miền núi, vùng cao, sự phân hóa giai cấp chưa thực sự sâu sắc, theo chủ trương của Đảng, xã Quảng Chu cùng với các xã khác thuộc huyện Bạch Thông chỉ thực hiện chính sách giảm tô không tiến hành cải cách ruộng đất. Hòa vào không khí cách mạng ruộng đất của cả nước, tháng 10/1954, nhân dân xã Quảng Chu đã cùng với nhân dân toàn huyện Bạch Thông tiến hành thực hiện giảm tô và thu được nhiều kết quả. Cuộc đấu tranh giảm tô, giảm tức của nhân dân lao động trong toàn xã là một cuộc đấu tranh giai cấp tiếp nối công cuộc giảm tô của xã được tiến hành vào năm 1953, nhằm xóa bỏ hoàn toàn giai cấp bóc lột ở Quảng Chu.

Để quá trình thực hiện công tác giảm tô hiệu quả, an toàn, tránh gặp phải sự kháng cự gay gắt của giai cấp bóc lột cũng như của những thành phần chống đối cách mạng, các lực lượng dân quân tự vệ, Ban Công an xã đã phối hợp chặt chẽ với Đội giảm tô, thực hiện trấn áp ngăn chặn sự chống đối của giai cấp bóc lột và các phần tử phản cách mạng, đảm bảo an ninh, trật tự cho công tác giảm tô, giảm tức trên địa bàn diễn ra thuận lợi. Bên cạnh đó, Chi bộ xã cũng chỉ đạo sát sao công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân, góp phần làm cho công cuộc giảm tô trên địa bàn xã hoàn thành thắng lợi.

Khi trình độ giác ngộ giai cấp của nông dân lao động đã được nâng cao. Người nông dân lao động đã thấy rõ rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa đã đưa lại ruộng đất cho nông dân. Sức sản xuất to lớn ở nông thôn đã được giải phóng, quan hệ sản xuất ở nông thôn đang đổi mới, vai trò, vị thế của người nông dân, nhất là người nông dân thuộc các thành phần bản, cổ nông ở Quảng Chu được xác lập. Đó là điều kiện để thúc đẩy công cuộc giảm tô diễn ra được nhanh chóng hoàn thành vào cuối năm 1954, giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ hoàn toàn, xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất bằng phương thức bóc lột, ước mơ “Người cày có ruộng” của nông dân xã Quảng Chu đã trở thành hiện thực, khối đoàn kết liên minh công - nông ngày càng củng cố hơn nữa. Người nông dân đã thoát khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ phong kiến, trở thành người chủ thực sự của xã hội, do đó, sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh, đời sống nhân dân bước đầu có nhiều cải thiện. Nông thôn Quảng Chu đã bước sang một giai đoạn mới, nhân dân một lòng quyết tâm dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền dân chủ nhân dân, góp phần quan trọng vào công cuộc củng cố miền Bắc, phát triển kinh tế và văn hóa của nước nhà.

Tuy nhiên, do cán bộ trong tổ, Đội giảm tô ở trên huyện xuống xã, khi phát động quần chúng nhân dân

thực hiện chính sách giảm tô, không nắm được tình hình cơ sở, rập khuôn, máy móc các biện pháp, chỉ tiêu của Trung ương nên đã mắc phải một số sai lầm về chính đồn tổ chức và phân định thành phần giai cấp. Bên cạnh đó, Đội giảm tô còn tiến hành chính đồn các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở nông thôn, không tuân thủ các phương châm, chính sách của Đảng, không giáo dục đảng viên tự giác chấp hành, mà dùng biện pháp mệnh lệnh, truy bức, đi đến xử lý gây nên không khí căng thẳng ở nông thôn.

Ngay sau khi nắm được tình hình về những hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách giảm tô tại các địa phương, Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị lần thứ 10 (từ ngày 25/8 đến ngày 05/10/1956) bàn về biện pháp sửa chữa sai lầm trong giảm tô. Tất cả các địa phương nhanh chóng tiến hành công tác sửa sai. Đội sửa sai của huyện về địa phương phối hợp với Chi bộ Đảng rà soát lại danh sách bị quy thành phần giảm tô. Tại Quảng Chu, qua công tác rà soát từng hộ gia đình, đa số nhân dân không có tư tưởng bất mãn, chống đối, những sai lầm không quá nghiêm trọng, tình hình an ninh chính trị được giữ vững.

Với chủ trương của Ban Bí thư Trung ương Đảng *“Về việc ra sức củng cố, khôi phục và phát triển tổ đổi công”*, được thể hiện rõ trong Chỉ thị số 57-CT/TW

ngày 21/10/1957, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quảng Chu tiến hành ra sức phát triển sản xuất thêm một bước, tuyên truyền, vận động nhân dân nhận thức rõ lợi ích của tổ đổi công, giúp đỡ nhau trong sản xuất, tiến tới xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Năm 1957, xã Quảng Chu tiếp tục củng cố, xây dựng phong trào tổ đổi công theo một cách tích cực, các tổ đổi công nhỏ hợp thành các tổ đổi công lớn, xuất hiện theo phạm vi thôn, giúp nhau các công việc trong cả mùa vụ. Tổ đổi công, tổ hợp công giúp giải quyết những khó khăn về nhân lực, sức kéo, nông cụ để thực hiện các khâu sản xuất giữa các hộ nông dân, đồng thời tạo dần ý thức và kinh nghiệm sản xuất tập thể. Từ đó, công tác sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã đảm bảo nhanh gọn, kịp thời vụ. Sự ra đời của tổ đổi công, sau là tổ hợp công, tiền thân của các hợp tác xã sau này, đánh dấu sự thay đổi ban đầu trong nhận thức của nhân dân về những thuận lợi của con đường làm ăn tập thể, theo xu hướng phát triển từ thấp lên cao kể cả về quy mô và tính chất (từ vài hộ đến cả thôn, từ đổi công theo vụ, theo việc đến hợp sức sản xuất trong cả một vụ). Đây là điều kiện căn bản, là kinh nghiệm, bước tập dượt cho cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở Quảng Chu trong những năm sau.

Những thành tựu trong công tác đấu tranh giảm tô và kết quả của mô hình tổ đổi công, tổ hợp công cùng những bước ngoặt trong quá trình thực hiện sửa sai, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp ở địa phương có sự chuyển biến tích cực. Nhờ áp dụng tốt các biện pháp kỹ thuật và sự hăng say lao động trong nhân dân, trải qua hơn một năm thực hiện khôi phục kinh tế, đời sống nhân dân đã được cải thiện ổn định hơn trước.

Trong nông nghiệp, nhân dân tham gia đóng góp nhân lực, vật lực đào mương, phai, quy hoạch thủy lợi, chủ động được nguồn nước, nhiều diện tích trước kia chỉ làm được 1 vụ nay có thể tiến hành gieo, trồng 2 vụ. Năm 1957, năng suất lúa trung bình đạt 20 tạ/ha. Chi bộ Đảng và chính quyền xã quan tâm phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và có những chuyển biến tích cực. Trong đó, đàn trâu, bò giữ vững ổn định, đảm bảo sức kéo và lượng phân bón trong nông nghiệp, phục vụ nhu cầu thực phẩm và góp phần tăng thu nhập cho nhân dân. Ngoài ra trong thời gian này, xã cũng phát động nhân dân thực hiện đào ao, thả cá, chăn nuôi thêm các loại thủy cầm khác như ngan, vịt, gà, tập trung chủ yếu ở các thôn Cửa Khe, Đèo Vai do phù hợp với điều kiện nguồn nước.

Bên cạnh những thành tựu về khôi phục kinh tế, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu chỉ đạo nhân dân từng

bước đẩy mạnh công tác văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao. Đối với giáo dục, công tác bình dân học vụ tiếp tục duy trì, nhà trường mặc dù còn thiếu thốn, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, nhưng đội ngũ giáo viên vẫn hết sức nỗ lực thi đua dạy tốt, công tác giảng dạy và học tập dần đi vào nền nếp. Xã đã kết hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh phong trào thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân.

Với phương châm *"Phòng bệnh hơn chữa bệnh"* các đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, tích cực trồng cây thuốc nam để chữa các bệnh thông thường. Trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1957, trên địa bàn xã không xảy ra dịch bệnh lớn, sức khỏe của nhân dân được nâng cao. Tuy nhiên, hiện tượng mê tín dị đoan, cúng bái khi có người ốm đau vẫn còn phổ biến.

Sau hơn 3 năm (1954 - 1957) thực hiện nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, tiến hành khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, hoàn thành công cuộc giảm tô, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quảng Chu đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, giành những thắng lợi cơ bản đầu tiên, đồng thời đúc rút được nhiều kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Những thắng lợi trong giai đoạn 1954 - 1957 làm cho

bộ mặt nông thôn xã có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân đi vào ổn định, an ninh chính trị, trật tự xã hội được đảm bảo, tình làng nghĩa xóm thêm bền chặt. Đây là những điều kiện quan trọng để cán bộ, đảng viên, nhân dân Quảng Chu bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trong các giai đoạn tiếp theo.

II. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội (1958 - 1960)

Với những bước đệm lớn trong tất cả các lĩnh vực đã tạo dựng trong giai đoạn 1954 - 1957, từ năm 1958, Chi bộ Đảng và nhân dân xã Quảng Chu cùng với nhân dân cả nước bước vào thực hiện nhiệm vụ mới: Thực hiện kế hoạch kinh tế 3 năm (1958 - 1960), trong đó nhiệm vụ trọng tâm là tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, cung cấp nhân tài, vật lực cho phong trào cách mạng ở miền Nam.

Tháng 11/1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã thảo luận và thông qua trong Báo cáo "*Về nhiệm vụ kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân*" ở miền Bắc, với mục tiêu đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, lấy sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm, nhằm giải quyết vấn đề lương thực, giải quyết phần lớn hàng tiêu dùng và hết sức chú trọng tăng thêm các tư liệu sản xuất;

ra sức cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội, nhất là đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời tích cực phát triển và củng cố thành phần kinh tế quốc doanh; trên cơ sở sản xuất phát triển, nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; tăng cường củng cố quốc phòng.

Từ tổ đổi công tiến đến xây dựng hợp tác xã nông nghiệp tại địa phương gặp không ít khó khăn, người dân từ bao đời nay có thói quen làm ăn nhỏ lẻ, trình độ dân trí thấp, người dân chưa hiểu rõ lợi ích khi tham gia hợp tác xã nông nghiệp, ruộng đất không tập trung, đất đai khó canh tác, ruộng một vụ là chủ yếu, đội ngũ cán bộ còn yếu, thiếu kinh nghiệm quản lý... Trước những khó khăn trên, để nhận thức rõ ý nghĩa và vai trò của cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, tháng 3/1959, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu tổ chức Hội nghị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể nông dân, chủ trương đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, củng cố, duy trì và phát triển các tổ đổi công để tiến tới xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán. Tổ chức tập huấn cho cán bộ trong xã, cũng như xóm học tập về bình công, chấm điểm, về chính sách hợp tác hóa nông nghiệp,

đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp, tiến tới thành lập hợp tác xã ở Quảng Chu.

Bên cạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu chỉ đạo nhân dân từng bước khắc phục khó khăn, tăng cường công tác phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... Đối với giáo dục, xã tiếp tục đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ bằng nhiều biện pháp tuyên truyền, động viên đông đảo nhân dân tham gia các lớp học chữ vào buổi tối, số người biết đọc, biết viết tăng lên nhiều. Tuy nhiên, công tác giáo dục tại địa phương còn gặp quá nhiều khó khăn, thách thức: Cơ sở vật chất còn nghèo nàn, tạm bợ, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của giáo viên còn hạn chế, học sinh bỏ học thường xuyên nhưng chưa có hướng khắc phục.

Trên lĩnh vực y tế, xã Quảng Chu đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới người dân các nội dung phòng và chữa bệnh như ăn chín, uống sôi, vệ sinh sạch sẽ nơi ở, đường làng ngõ xóm. Nhờ công tác y tế phát triển nên các hiện tượng cúng bái khi ốm đau được hạn chế. Mặc dù còn khó khăn, song Mặt trận Tổ quốc xã đã làm tốt các công tác tuyên truyền nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan; thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng... Hội Phụ nữ xã cũng có nhiều tiến bộ. Mặc dù

tư tưởng “Trọng nam khinh nữ” vẫn còn tồn tại trong một số nam đảng viên của Chi bộ Đảng, nhưng bằng ý chí và nỗ lực, chị em phụ nữ đã tham gia tích cực trong nhiều phong trào trên địa bàn xã, thể hiện rõ vai trò và năng lực của phụ nữ như: làm phân bón; áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; cấy dày, cày sâu...

Những kết quả đạt được trong công tác cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa 3 năm (1958 - 1960) của xã Quảng Chu bắt nguồn từ sự trưởng thành của Chi bộ Đảng. Để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với địa phương, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu đã chú trọng nâng cao trình độ giác ngộ cho cán bộ, đảng viên, tổ chức các buổi học tập chủ trương, đường lối của Đảng; nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy một cách thường xuyên, qua đó, cán bộ xã đã nhận thức rõ hơn đường lối quan điểm của Đảng về việc thực hiện con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó nâng cao ý thức, lập trường, trách nhiệm của người đảng viên với nhân dân, với Đảng và Nhà nước.

III. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 - 1965)

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960) đã đề ra chủ trương: Thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất

- kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã thông qua Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, các nghị quyết của Trung ương Đảng, Khu ủy Việt Bắc, Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Bạch Thông, Đại hội Chi bộ Đảng xã Quảng Chu diễn ra năm 1961 đã phân tích những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất tại địa phương. Phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, lấy sản xuất lương thực làm khâu chính, trên cơ sở đó mà phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng cùng các nghề phụ khác, nhằm phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao dân trí, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi. Đại hội đã bầu đồng chí Ma Văn Siêu giữ chức Bí thư Chi bộ.

Năm 1961, xã Quảng Chu đã thành lập hợp tác xã Đại Đồng ở Làng Diền - hợp tác xã đầu tiên của địa phương. Đây là thành quả kiên trì vận động của Chi bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể. Lúc mới thành lập, hợp tác xã Đại Đồng đã có hơn 70% hộ xã viên do ông Lộc Văn Hòa làm Chủ nhiệm. Toàn bộ ruộng đất, trâu, bò và nông cụ do nhân dân đóng góp. Thời gian đầu, hợp tác xã còn gặp nhiều khó khăn, bộ máy dần được hoàn thiện gồm Ban quản trị, Ban kiểm soát, kế toán, thư ký, thủ quỹ. Công việc của hợp tác xã do Ban quản trị thống nhất điều hành. Sang

năm 1962, xã Quảng Chu tiếp tục thành lập hợp tác xã Bản Đén; năm 1963, thành lập hợp tác xã Bản Nhuần; năm 1964 thành lập 2 hợp tác xã Nà Lăng và Đèo Vai; năm 1965 thành lập thêm hợp tác xã Cửa Khe và hợp tác xã Làng Chẽ.

Đầu năm 1961, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu có kế hoạch chỉ đạo các đảng viên khẩn trương thực hiện rà soát, phân loại đảng viên, mỗi đảng viên phải là tấm gương, tiên phong trong việc chống tư tưởng lạc hậu, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, thi đua lao động xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) do Trung ương Đảng đề ra. Đến cuối năm 1961, các tổ Đảng và Chi bộ Đảng hoàn thành công tác kiểm điểm đảng viên. Đa số đảng viên nhất trí với kế hoạch của Chi bộ Đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Những đồng chí có sai lầm, khuyết điểm được nhắc nhở trước tập thể và sửa chữa để xứng với vai trò của người đảng viên trước tổ chức và nhân dân.

Các hợp tác xã hưởng ứng phong trào thi đua phát triển sản xuất hoàn thành chỉ tiêu các cấp giao. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng, sự hướng dẫn của cán bộ hợp tác xã, xã viên tập trung sản xuất, phấn đấu giành nhiều thành tích trong nông nghiệp. Nhân dân

tích cực cải tạo đất đai, khai hoang, mở rộng diện tích gieo trồng. Giai đoạn 1961 - 1965, ở Quảng Chu đã đẩy lên phong trào làm phân xanh, các loại bèo, lá cây rừng, cây dại được băm nhỏ trộn đều, ủ với bùn ao làm phân bón ruộng nhằm bổ sung chất dinh dưỡng cho đất, mọi người tích cực làm phân xanh để nộp cho các hợp tác xã, trung bình 250 kg/lao động/năm. Thông qua các phong trào, nông dân được hướng dẫn áp dụng thêm kỹ thuật tiến bộ liên hoàn trong sản xuất nông nghiệp như: đủ nước, nhiều phân, cây sâu, giống tốt, cấy đúng thời vụ, cấy dày, phòng trừ sâu bệnh, cải tiến nông cụ...

Nhận thức tầm quan trọng của công tác thủy lợi đối với sản xuất nông nghiệp, toàn xã Quảng Chu đẩy lên phong trào làm thủy lợi, đắp mương, phai theo từng thôn, bản, xã viên chú ý nạo vét kênh mương, dẫn nước từ sông Cầu, các khe suối vào tưới cho lúa và hoa màu; đồng thời chủ động đắp bờ giữ nước, tránh tình trạng hạn hán xảy ra vào mùa khô. Nhờ vậy, tuy sản xuất gặp nhiều khó khăn do thiên tai, sâu bệnh nhưng năng suất lúa của các hợp tác xã vẫn đạt trung bình 20 tạ/ha.

Về chăn nuôi gia súc, gia cầm, đàn trâu, bò phát triển đảm bảo sức kéo, cung cấp nguồn phân hữu cơ cho trồng trọt, địa phương còn dành một phần bán cho

thương nghiệp huyện nhằm cung cấp nguồn trâu, bò giống cho địa phương. Để phát triển đàn lợn, các hợp tác xã giao chỉ tiêu mỗi gia đình nuôi trung bình từ 2 - 3 con lợn để bán nghĩa vụ cho Nhà nước, góp phần tăng thu nhập cho gia đình. Ngoài ra, xã còn chăn nuôi hàng ngàn gia cầm, thủy cầm lấy thịt và trứng, bổ sung thực phẩm vào bữa ăn hàng ngày.

Với diện tích 2.587,64ha rừng, việc phát triển thế mạnh đối với rừng ở xã Quảng Chu vẫn giữ một vị trí nhất định trong nền kinh tế địa phương. Nhân dân trong xã, nhất là các thôn, bản ở khu vực phía Đông như Bản Đén, Bản Nhuần đã thu được không ít nguồn lợi từ rừng (thú rừng, hồi, quế, gỗ, luồng, mai, nứa, vầu, lá cọ, củi đun, nấm hương, mộc nhĩ, rau rừng, mật ong...). Tuy nhiên vấn đề khai thác có quy hoạch và bảo vệ rừng chưa được nhân dân nhận thức đầy đủ nên tình trạng khai thác rừng bừa bãi vẫn thường xuyên xảy ra.

Tính đến cuối năm 1965, toàn xã Quảng Chu có 7 hợp tác xã nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp phát triển tạo cơ sở để Quảng Chu phấn đấu thực hiện tròn nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước. Xã đã làm tốt công tác thu thuế, thu nợ và thu mua các loại sản phẩm nông nghiệp từ người dân. Trong giai đoạn 1961 - 1965, chủ yếu là chăn nuôi cá thể, nhân dân tích cực bán cho Nhà nước

thịt lợn, nông, lâm sản khác góp phần tích cực vào việc cân đối lương thực, thực phẩm của Nhà nước.

Cùng với sự phát triển về mặt kinh tế thì đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân địa phương ngày một nâng cao. Đối với giáo dục tính đến năm 1965, số cháu trong độ tuổi đến nhà trẻ và lớp vỡ lòng đạt 80%, số trẻ em thất học chiếm tỷ lệ thấp. Với ý thức, trách nhiệm trong công việc, cán bộ chủ chốt của địa phương, Chủ nhiệm hợp tác xã đến trưởng các ban, ngành đoàn thể đều tham gia các lớp bồi dưỡng văn hóa, nâng cao kiến thức. Phong trào bồi dưỡng văn hóa tiếp tục đẩy mạnh, tạo tiền đề cho phổ cập giáo dục toàn dân, nâng cao trình độ dân trí.

Hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ được xã Quảng Chu duy trì thường xuyên, diễn ra sôi nổi. Các hợp tác xã thành lập một đội văn nghệ, tích cực tập luyện để có những tiết mục biểu diễn đặc sắc phục vụ cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương, đặc biệt là những sự kiện chính trị quan trọng như Đại hội Chi bộ Đảng, các kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã... để thông báo kịp thời tin tức của Đảng và Nhà nước tới nhân dân, cấp ủy Đảng, chính quyền củng cố mạng lưới thông tin cơ sở. Đoàn Thanh niên thường xuyên tổ chức giao lưu giữa các thanh niên trong xóm, giữa xã với các xã bạn. Các hoạt động phong trào của các đoàn

thể góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền chủ trương của Đảng, giúp nâng cao tư tưởng đạo đức nhân dân, ổn định tình hình chính trị - xã hội địa phương.

Trong lĩnh vực y tế, với phương châm "*Phòng bệnh hơn chữa bệnh*", cán bộ y tế chú trọng chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân; thực hiện tốt khâu "*Vệ sinh phòng bệnh*", "*Ăn chín uống sôi*". Trạm xá kết hợp với chính quyền, đoàn thể tích cực vận động nhân dân thực hiện tốt các phong trào xây dựng chuồng, trại, nhà vệ sinh tách riêng với nhà ở, gầm nhà sàn của mỗi hộ giờ chỉ dùng để củi và nông cụ, đảm bảo vệ sinh, thực hiện nếp sống văn hóa mới. Nhờ có những biện pháp đồng bộ và hiệu quả, những bệnh thông thường giảm đáng kể, sức khỏe nhân dân được đảm bảo, trong giai đoạn này, ở địa phương không xảy ra dịch bệnh lớn.

Công tác xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng được các cấp ngành quan tâm chỉ đạo sát sao, tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ đối với công tác quân sự, an ninh. Tính đến đầu năm 1965, địa phương tổ chức, xây dựng được một lực lượng bộ đội, dân quân địa phương khá mạnh. Trang bị chủ yếu là súng trường và các loại vũ khí tự tạo như súng kíp, nỏ, gậy gộc... Cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân để cao tinh thần cảnh giác cách mạng; đảm bảo sẵn sàng

chiến đấu và phục vụ chiến đấu đập tan mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch. Trong 5 năm (1961 - 1965), công tác huấn luyện, củng cố đội ngũ công an viên được tăng cường, đã làm tốt nhiệm vụ phối hợp cùng với dân quân, du kích thường xuyên canh gác chặt chẽ, nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm, có âm mưu phá hoại, bảo đảm trật tự trị an trên địa bàn, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân cũng như tài sản chung của hợp tác xã.

Để có sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng trên địa bàn, công tác xây dựng Đảng đóng vai trò then chốt. Từ đầu năm 1962, cấp ủy Đảng đã tổ chức cho toàn thể đảng viên trong Chi bộ Đảng học tập quán triệt những quan điểm của Đảng. Trong đó tập trung vào 2 nội dung chính: Xây dựng ý thức làm chủ và tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa, quan điểm phục vụ sản xuất; Cần kiệm xây dựng nước nhà; tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Nhờ những cố gắng trên của Ban Chi ủy, nhận thức của các đồng chí cán bộ, đảng viên được nâng lên, tạo nên khí thế mới trong phong trào cách mạng trên quê hương Quảng Chu. Ban Chi ủy chú trọng lãnh đạo công tác củng cố tổ chức nhằm nâng cao tính tiên phong và sức chiến đấu của tập thể Chi bộ Đảng, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn.

Mặt trận Tổ quốc làm tốt công tác chính trị, tích cực vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương, góp phần vào xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đoàn Thanh niên cử các thành viên ưu tú phụ trách các công tác thiếu niên, nhi đồng kết hợp với Hội Phụ nữ và các đoàn thể khác thực hiện các phong trào thi đua như *"Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt"*, *"Xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm"*, *"Sống, làm việc, noi gương những người cộng sản"*... đã đẩy lên mạnh mẽ trong các hợp tác xã. Tất cả các tổ chức đều kết nạp và vận động hội viên tham gia, thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hăng hái tham gia sản xuất, xây dựng chính quyền. Thông qua các phong trào, sự nhận thức về lập trường giai cấp, chủ nghĩa xã hội trong các tầng lớp nhân dân được tăng cường, một số đoàn viên, hội viên ưu tú được các đoàn thể giới thiệu để Chi bộ Đảng xã xem xét, kết nạp vào hàng ngũ của Đảng.

Cuối năm 1965, công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội cơ bản hoàn thành, giành được những kết quả quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc. Với chặng đường hơn 10 năm phát triển (1954 - 1965) thực hiện 3 mục tiêu cơ bản: Khôi phục kinh tế (1954 - 1957), cải tạo quan hệ xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) và thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất

nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của xã hội chủ nghĩa (1961 - 1965). Cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quảng Chu đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ và đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào. Quan hệ sản xuất mới từng bước được xác lập và củng cố góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống cho nhân dân. Trong giai đoạn 1954 - 1965, cùng với các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và tổ tín dụng gắn kết tương đối chặt chẽ nền kinh tế địa phương. Sự chuyển biến về kinh tế tạo điều kiện cho sự phát triển về văn hóa - xã hội, nhất là về giáo dục, y tế, văn hóa. Trên cơ sở đó, quốc phòng, an ninh cơ sở được đảm bảo ổn định và vững chắc.

Giữa lúc miền Bắc đang ra sức thi đua sản xuất, sẵn sàng chiến đấu cho chi viện miền Nam thì tháng 8/1964, Mỹ dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ", lấy cớ đưa không quân vào bắn phá miền Bắc. Trước tình hình mới cùng với nhân dân miền Bắc, nhân dân Quảng Chu nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, ra sức phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu lương thực, chi viện cho miền Nam. Với tinh thần "*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng*", "*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*", cán bộ các ban, ngành, đoàn thể triển khai công tác động viên thanh niên lên đường chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc.

Chương III

CHI BỘ ĐẢNG XÃ QUẢNG CHU LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1965 - 1975)

I. Đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965 - 1972)

Đầu năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành leo thang chiến tranh bắn phá bằng hải quân và không quân vào một số khu vực ở miền Bắc như Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ninh... Trước tình hình đó, để sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã họp Hội nghị lần thứ 11 (ngày 27/3/1965) ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt: *"Nhiệm vụ cấp bách của ta ở miền Bắc lúc này là phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho hợp với tình hình mới và để cho miền Bắc có đủ sức mạnh nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ miền Bắc"*. Đến ngày 27/12/1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 12, đề ra nhiệm vụ cho miền Bắc

“Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, động viên sức người, sức của chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng ở miền Nam, giúp đỡ cách mạng Lào, đồng thời ra sức chuẩn bị để đánh bại quân địch trong trường hợp chúng mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước”.

Để đáp ứng tình hình mới, từ ngày 01/7/1965, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái và chính thức đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới, theo Nghị quyết số 103-NQ/TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiếp đó, ngày 08/7/1965, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái ra Chỉ thị *“Về những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân”*, theo đó xã Quảng Chu được phân chia thuộc vùng trạng thái phòng thủ với nhiệm vụ trọng tâm là *“...đảm bảo hầm, hố trú ẩn đầy đủ, vững chắc; đảm bảo sản xuất, công tác, sinh hoạt bình thường; tổ chức đón tiếp, giúp đồng bào sơ tán đến để đồng bào yên tâm sản xuất”*¹.

Từ giữa năm 1965 để sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 về chuyển hướng kinh tế sang thời chiến, Chi bộ Đảng đã lãnh

1. Chỉ thị số 01/NC ngày 08/7/1965 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái về *“Những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân”*.

đạo nhân dân thực hiện phương châm “Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính”, thực hiện cuộc vận động xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ do Tỉnh ủy phát động, chính quyền, đoàn thể và nhân dân xã Quảng Chu tích cực xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, du kích nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Với phương châm trên, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu đã tiến hành tổ chức Đại hội nhằm đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian trước mắt với trọng tâm là vừa đảm bảo yêu cầu sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu góp phần cùng nhân dân toàn miền Bắc đập tan âm mưu leo thang chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa; đồng thời tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Đại hội bầu đồng chí Ma Văn Siêu giữ chức Bí thư Chi bộ.

Thực hiện theo Quyết định số 111/NV ngày 25/3/1967 của Bộ Nội vụ, từ tháng 4/1967, xã Quảng Chu cùng 9 đơn vị hành chính khác của huyện Bạch Thông gồm Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Bình Văn, Như Cố, Yên Hân, Yên Cư, Nông Hạ và thị trấn Chợ Mới chính thức sáp nhập vào huyện Phú Lương. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Phú Lương, nhất là sau Đại hội đại biểu huyện Phú Lương lần thứ X (19/5/1967), Chi

bộ Đảng đã lãnh đạo các hợp tác xã và nông dân tích cực hơn nữa trong việc tiến hành vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật. Mọi mặt trong hợp tác xã được ổn định hơn và từng bước tiến lên. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, kinh tế tập thể hợp tác xã ngày càng phát huy sức mạnh trong thời chiến.

Từ năm 1966, khi mỗi thôn đều có hợp tác xã, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn đã tổ chức Đại hội xã viên để đưa ra phương án sản xuất mới phù hợp với điều kiện của từng thôn, chấn chỉnh lại công tác quản lý tài vụ, quản lý, điều hành các khâu sản xuất... Trong năm 1967, tình trạng hạn hán kéo dài cùng với những hạn chế trong phong trào thủy lợi khiến cho địa phương phải bỏ hoang nhiều diện tích ruộng đất chiếm gần 40% diện tích ruộng toàn xã không cấy được. Tuy nhiên, để khắc phục hậu quả do thiên tai, các hợp tác xã phát động toàn xã viên thực hiện khẩu hiệu *"Làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm"*, *"Mỗi người làm việc bằng hai"*, các cánh đồng đã trở thành công trường lớn khi các xã viên tích cực nạo vét, tu sửa kênh mương chống hạn.

Trong giai đoạn 1965 - 1968, phân bón hóa học còn hạn chế, các hợp tác xã đã chú trọng làm chuồng trại, chăn nuôi tập thể, mặt khác khuyến khích nhân dân chăn nuôi ở mỗi hộ gia đình nhằm tạo phân bón hữu cơ

cho trồng trọt, nguồn phân xanh từ các loại lá cây cũng được cắt, băm nhỏ ủ với phân, bùn ao... cải thiện đất bạc màu ở nhiều khu vực như Nà Lăng, Con Kiến... các biện pháp khoa học kỹ thuật được người dân áp dụng vào sản xuất như ngâm giống lúa theo công thức "*Ba sôi, hai lạnh*", cấy thẳng hàng... các giống lúa mới như Chiêm trắng, Mộc tuyền... được đưa vào thay thế cho các giống lúa cũ. Năng suất lúa những năm 1965 - 1968 duy trì ở mức từ 19 - 20 tạ/ha. Cấp ủy, chính quyền khuyến khích, động viên các hộ xã viên chăn nuôi lợn, gia cầm bán nghĩa vụ cho Nhà nước để tăng thêm nguồn thu nhập.

Trong công tác giáo dục, từ sự hỗ trợ của cấp trên và sự đóng góp của nhân dân về ngày công và cơ sở vật chất, vì vậy dù ở hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, song xã cũng rất chú trọng và mở rộng các lớp học, công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên. Hằng năm, tất cả giáo viên đều tham gia vào lớp tập huấn do Huyện ủy tổ chức vào mỗi kỳ nghỉ hè. Nhìn chung, mặc dù điều kiện còn rất khó khăn nhưng tất cả các giáo viên đều rất chú ý đến đạo đức người thầy, trau dồi thêm kiến thức, nghiệp vụ, nhiệt tình, yêu nghề và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Phong trào học tập văn hóa trong kháng chiến tiếp tục được duy trì và phát triển. Chi bộ Đảng xã Quảng Chu đã xác định: Vấn đề dạy và học là một nhu

cầu cần thiết và quan trọng của địa phương, coi đó là một bộ phận trong chiến lược con người, có ảnh hưởng lớn tới quá trình đi lên mọi mặt của địa phương trong tương lai. Vì thế, xã đã quyết tâm phấn đấu để tất cả trẻ em đến tuổi đều được đến trường, các trường, lớp được tu sửa, xây dựng thêm đáp ứng nhu cầu học ngày càng cao của con em trong xã, số lượng học sinh tham gia lớp học đúng độ tuổi ngày càng đông. Trong phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm đạt trên 90%.

Trong công tác quốc phòng, an ninh, xã Quảng Chu tổ chức đội tự vệ trực chiến, nêu cao tinh thần, trách nhiệm, nhận và làm bất cứ nhiệm vụ nào địa phương giao, sẵn sàng khắc phục hậu quả mà địch bắn phá. Chi bộ Đảng coi trọng giáo dục nâng cao lòng yêu nước và tinh thần cách mạng cho nhân dân, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban Công an xã. Công tác phê bình và tự phê bình trong ban có tiến bộ, tinh thần đoàn kết giữa cơ sở và quần chúng được củng cố, các vụ việc phức tạp xảy ra hạn chế.

Chi bộ Đảng chú trọng tới việc xây dựng bộ máy tổ chức Đảng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Chi bộ Đảng xã Quảng Chu thực hiện các cuộc vận động lớn: Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân ở nông thôn; cải tiến tới quản lý hiệu quả hơn các hợp tác xã... Tuy

nhiên cùng với những thành tích và ưu điểm trong công tác lãnh đạo, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu còn nhiều hạn chế, công tác thực hiện nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước đạt kết quả thấp, do đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, thiên tai thường xuyên diễn ra, chính vì vậy dẫn đến các phong trào thủy lợi, giao thông nông thôn còn yếu. Số đảng viên tham gia xây dựng Chi bộ do Trung ương Đảng phát động mới đạt 40%.

Với nhu cầu chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam, ngay sau trận Tổng tiến công tết Mậu Thân (1968), Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng ra chỉ thị: *“Công tác vận động, tuyển quân là công tác trung tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên, động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định”*. Quán triệt theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Phú Lương với mục tiêu *“Bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng phải kiên quyết động viên và tuyển quân đạt và vượt mức quân số, đảm bảo chất lượng tốt, thời gian nhanh, giao quân gọn và an toàn”*. Chi bộ Đảng xã Quảng Chu đã thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác quân sự địa phương năm 1968.

Năm 1968, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu tiến hành Đại hội nhằm đánh giá những kết quả đạt được và

những hạn chế trong việc thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ trước. Đại hội đề ra phương hướng và mục tiêu thực hiện nhiệm kỳ tới: Tiếp tục củng cố xây dựng lực lượng dân quân, nêu cao tinh thần cảnh giác với quân thù, toàn dân, toàn quân luôn trong trạng thái chủ động với quân thù. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ kinh tế - xã hội, phấn đấu tăng sản lượng lương thực, chi viện hơn nữa sức người, sức của cho miền Nam, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Đại hội bầu đồng chí Ma Văn Siêu giữ chức Bí thư Chi bộ.

Để khắc phục những hạn chế trong sản xuất lương thực, đáp ứng đủ nhu cầu của người dân địa phương và tăng cường chi viện cho miền Nam, thực hiện Nghị quyết của Chi bộ Đảng đề ra, các hợp tác xã đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng thâm canh, tăng vụ, tiếp tục áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lấy cây lúa là cây lương thực chủ yếu, đồng thời coi trọng cây hoa màu, các ruộng bạc màu, không thích hợp trồng lúa được chuyển sang trồng ngô, khoai, sắn... khắc phục nhanh chóng hệ thống kênh mương tưới tiêu.

Trong lúc cả nước đang hăng hái ra sức phát triển sản xuất, thì ngày 04/9/1969, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra bản "Thông cáo đặc biệt" với toàn thể

đồng bào việc Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vô vàn kính yêu của dân tộc đã từ trần ngày 03/9/1969. Với niềm thương tiếc vô hạn, từ ngày 06 đến ngày 09/9/1969, Chi bộ Đảng, chính quyền xã đã long trọng tổ chức Lễ truy điệu để tang Người. Ngay sau Lễ truy điệu, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Quảng Chu đã thực hiện Chỉ thị số 134-CT/TW của Trung ương Đảng, tiến hành đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt, quyết tâm *"Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh"*. Lời căn dặn của người như tiếp thêm sức mạnh cho cán bộ, đảng viên, nhân dân góp phần cùng đồng bào cả nước quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam cũng như ra sức thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Với quyết tâm cao độ, biến đau thương thành hành động, Chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân trong xã đẩy mạnh sản xuất, tích cực thâm canh tăng vụ. Các ban, ngành, đoàn thể đều có những khẩu hiệu, mục tiêu hoạt động của riêng mình: Đoàn Thanh niên với khẩu hiệu *"Chắc tay súng vững tay cày"* tích cực tham gia sản xuất nông nghiệp, đảm nhiệm khâu làm phân bón và thủy lợi. Các chiến dịch làm phân (ủ phân xanh, phân chuồng, nuôi bèo hoa dâu trên đồng ruộng), đắp bờ vùng, bờ thửa, chống hạn, chống úng được thực hiện có hiệu quả cao. Hội Phụ nữ thi đua thực hiện *"Đường cày đảm đang"*, thi cấy nông tay,

thẳng hàng và chăm bón đúng kỹ thuật. Các cụ phụ lão đảm nhiệm trồng cây, tăng diện tích rừng, đồi chè. Hằng năm, các hợp tác xã tổ chức các cuộc thi trâu cày, bừa, thi cấy, gặt... vừa động viên tinh thần hăng hái nhiệt tình của quần chúng vừa nhằm đánh giá đúng định mức lao động. Với tinh thần hăng hái trên, hợp tác xã có thêm nguồn tích lũy, tiếp tục mua sắm thêm công cụ sản xuất, nhất là công cụ cải tiến, máy móc và mở rộng thêm các nhà kho, sân phơi, củng cố lại các trại chăn nuôi tập thể.

Chi bộ Đảng xã Quảng Chu luôn chú trọng công tác văn hóa, giáo dục. Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Lương, công tác giáo dục trong giai đoạn 1965 - 1972 là tập trung vào việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặt bổ túc văn hóa lên hàng đầu. Các trường, lớp luôn sẵn sàng sơ tán đến nơi an toàn khi có địch ném bom. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động nhà trẻ, lớp mẫu giáo trong giai đoạn này hợp tác xã luôn đảm bảo nguồn kinh phí. Các trường cấp I, cấp II của xã được tu sửa khang trang hơn, đồ dùng học tập được trang bị đầy đủ, hằng năm học sinh lên lớp đạt 97 - 98%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt trên 98%. Phong trào thi đua "Hai tốt", noi gương các trường tiên tiến, kết hợp chặt chẽ giữa học tập và lao động có bước tiến đáng kể.

Ngày 15/5/1968, Bộ trưởng Bộ Công an ký Quyết định số 515/CA-QĐ về việc sáp nhập Trường Sơ cấp Công an II ở Bắc Thái và Trường Sơ cấp Công an IV ở Hà Bắc thành lập Trường Đào tạo cán bộ Công an (nay là Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I), đóng quân tại xã Quảng Chu. Việc thành lập trường Đào tạo cán bộ Công an tại xã Quảng Chu trong thời gian này là nguồn cổ vũ rất lớn đến tinh thần lao động sản xuất và chiến đấu của người dân địa phương, góp phần phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Trạm xá xã làm tốt công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em, tuyên truyền để chị em phụ nữ có kiến thức về việc giữ gìn vệ sinh phòng bệnh, sinh đẻ có kế hoạch. Phong trào trồng cây thuốc nam tiếp tục phát triển, nâng cao sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn xã. Hầu hết phụ nữ sinh đẻ thường đến trạm xá xã, tỷ lệ trẻ tử vong giảm. Cán bộ y tế xã hướng dẫn nhân dân cách sơ cứu, băng bó vết thương... Công tác y tế đã đáp ứng được yêu cầu phục vụ chiến đấu và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Cán bộ y tế xã Quảng Chu được tham gia lớp bồi dưỡng do phòng y tế huyện tổ chức nhằm nâng cao y đức và trình độ chuyên môn.

Trên mặt trận văn hóa tư tưởng, thông qua các hoạt động văn hóa nhằm giáo dục, chỉnh đốn những suy nghĩ lệch lạc, bảo thủ, những biểu hiện không nghiêm chỉnh trong chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống mới ở nông thôn. Chi bộ Đảng tiến hành tuyên truyền rộng rãi trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân những chủ trương, đường lối của Đảng về nhiệm vụ phát triển kinh tế trong giai đoạn mới, chống mê tín dị đoan, giáo dục con người mới, học tập những tấm gương trên lĩnh vực sản xuất, chiến đấu, giáo dục... Sự phát triển của văn hóa đã góp phần đẩy lùi những hủ tục trong đời sống nhân dân. Công tác văn nghệ của địa phương cũng được duy trì thường xuyên, nòng cốt là đội văn nghệ của các thôn. Hoạt động văn nghệ luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, ca ngợi Đảng và Bác Hồ, động viên nhân dân sản xuất, thôi thúc thanh niên lên đường nhập ngũ.

Rút kinh nghiệm những hạn chế trong giai đoạn trước năm 1968 về công tác lãnh đạo Đảng trên địa bàn xã, Chi bộ Đảng triển khai thực hiện tốt cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên "*Lớp Hồ Chí Minh*", cuộc vận động thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Thông qua cuộc vận động, nhận thức tư tưởng

của mỗi đảng viên được nâng cao. Những quần chúng ưu tú được tham gia lớp bồi dưỡng cảm tình Đảng và xem xét kết nạp Đảng.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng diễn ra sôi nổi và đạt hiệu quả cao, thực hiện tốt nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân địa phương và nhân dân miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền và vận động đông đảo nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Chi bộ Đảng đã đề ra, tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, động viên nhân dân đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cuộc sống mới, đẩy lùi các tập tục lạc hậu...

Đoàn Thanh niên luôn đi đầu trong các phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, làm thủy lợi, tham gia văn nghệ, thể thao, xây dựng lực lượng dân quân... Chi bộ Đảng luôn quan tâm, chăm lo bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên, thanh niên, hội viên để xem xét kết nạp Đảng, giáo dục, bồi dưỡng cho đoàn viên, thanh niên về lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và ý thức trách nhiệm đối với quê hương, đất nước. Thực hiện phong trào “Ba sẵn sàng”, nhiều thanh niên xã Quảng Chu xung phong nhập ngũ trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên khắp các chiến trường.

Các phong trào của Hội Phụ nữ xã diễn ra hết sức sôi nổi, chị em tích cực tham gia lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã, thu hút nhiều hội viên tham gia sinh hoạt, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội với các phong trào “Ba đảm đang”, “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”... thường xuyên tổ chức sinh hoạt trao đổi cho nhau kinh nghiệm lao động sản xuất, kinh nghiệm nuôi con khỏe, dạy con ngoan, tích cực tham gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Hội Phụ nữ vận động chị em thực hiện nếp sống mới nhằm đảm bảo quyền dân chủ, bình đẳng và cuộc sống hạnh phúc, nhiều chị em vừa sản xuất, vừa hăng hái tham gia công tác xây dựng Đảng, chính quyền.

Trong giai đoạn 1965 - 1972, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, trực tiếp là Chi bộ Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quảng Chu đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, thực hiện tốt chủ trương chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế trong thời chiến; tiếp tục đẩy mạnh sản xuất lương thực, phát triển chăn nuôi. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được củng cố. Thực hiện tốt công tác quân sự địa phương, phòng không nhân dân, xây dựng lực lượng dân quân, làm tốt công tác tuyển quân và phục vụ chiến đấu.

Ngày 06/4/1972, hòng gây sức ép cho ta trên bàn đàm phán, Tổng thống Mỹ Ních-xơn đã tuyên bố ném

bom trở lại miền Bắc. Tính chất của cuộc chiến tranh phá hoại lần này quy mô và ác liệt hơn. Được sự chỉ đạo của cấp trên, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu tích cực củng cố lực lượng dân quân, sẵn sàng chiến đấu khi có máy bay địch, hoàn thành chỉ tiêu giao quân, hăng hái đóng góp lương thực và thực phẩm ra tiền tuyến với tinh thần: *"Tất cả để chiến thắng, tất cả vì miền Nam ruột thịt"*.

Trải qua thời gian vừa tranh thủ thời gian hòa bình để phát triển kinh tế, vừa sẵn sàng đối phó với âm mưu chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, đảng viên và nhân dân trong xã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ và thu được nhiều thành tựu quan trọng. Chi bộ Đảng trong giai đoạn 1965 - 1972 chú trọng đẩy mạnh sản xuất, chăm lo cho đời sống nhân dân, đồng thời chú ý đến chính sách hậu phương quân đội, sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ổn định, có bước phát triển nhất định, các mặt văn hóa, y tế, giáo dục được giữ vững. Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng không ngừng củng cố, kiện toàn. Xã Quảng Chu còn hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam, góp phần bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

II. Tập trung khôi phục và phát triển kinh tế, làm nhiệm vụ hậu phương chi viện cho tiền tuyến miền Nam thống nhất đất nước (1973 - 1975)

Với chiến thắng lịch sử “Điện Biên Phủ trên không” của quân và dân ta năm 1972, đã buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán, ký hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào nội bộ miền Nam Việt Nam, tôn trọng nguyên tắc quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục viện trợ cho ngụy quân, ngụy quyền trắng trợn phá hoại Hiệp định Pa-ri.

Trước diễn biến phức tạp của cuộc cách mạng. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 21, bước đầu tổng kết những bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công, nắm vững quan điểm cách mạng bạo lực; giương cao ngọn cờ dân tộc, dân chủ và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa; biết thắng từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn; có phương pháp cách mạng thích hợp. Hội nghị đã ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của 2 miền Nam - Bắc đối với cuộc cách mạng.

Đối với cách mạng miền Bắc, Hội nghị chỉ rõ: “*Miền Bắc một mặt phải tranh thủ những điều kiện thuận lợi hiện có, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế*

quốc dân, đồng thời phải tiếp tục làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam và tích cực đấu tranh để Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được thi hành nghiêm chỉnh". Được sự hướng dẫn của Huyện ủy và sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng xã, nhân dân các dân tộc ở Quảng Chu tích cực sản xuất, khôi phục, phát triển kinh tế.

Trong năm 1973, Chi bộ Đảng tiến hành Đại hội tổng kết, đánh giá những thành tựu và hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ Đảng trong nhiệm kỳ trước, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới, đó là: Tập trung sức lực phát triển kinh tế, chú trọng sản xuất lương thực, tăng cường phát triển công tác văn hóa - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; tăng cường củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể; giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc tình hình, nhiệm vụ cách mạng mới; củng cố quốc phòng, tăng cường hơn nữa lực lượng vũ trang, nêu cao tinh thần cảnh giác, hoàn thành nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến về người và của. Đại hội bầu Ban Chi ủy khóa mới, trong đó đồng chí Ma Văn Siêu giữ chức Bí thư Chi bộ.

Sau Đại hội, thực hiện Nghị quyết đã đề ra, Chi bộ Đảng và nhân dân xã Quảng Chu đã quyết tâm phấn

đầu hoàn thành các mục tiêu về phát triển kinh tế, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, nhân dân được hướng dẫn áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh cơ cấu giống cho từng vụ, chú ý công tác phòng trừ sâu bệnh, tăng cường phân bón cho đồng ruộng. Bước sang năm 1974, xã viên chú trọng việc sửa chữa hệ thống mương phai, đắp bờ để giữ nước, nhân dân trong xã tiến hành khai hoang, mở rộng diện tích canh tác, đưa giống mới cho năng suất cao hơn, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương, trồng các loại cây hoa màu để phòng đói lúc giáp hạt, năng suất lúa năm 1975 đạt hơn 27 tạ/ha.

Các hợp tác xã cũng chú trọng đến phát triển chăn nuôi, các cán bộ chủ chốt trong hợp tác xã thường xuyên tham gia tập huấn kỹ thuật quản lý, chăm sóc trâu, bò, tích cực đẩy mạnh đầu tư xây dựng thêm chuồng trại. Ban Chi ủy giao chỉ tiêu chăn nuôi cụ thể cho các hợp tác xã, công tác quản lý thu mua và phân phối thịt lợn, trâu, bò, gà vịt được thực hiện vượt chỉ tiêu, góp phần hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước về lương thực, thực phẩm. Chi bộ Đảng chỉ đạo nhân dân tận dụng diện tích mặt nước để nuôi thả cá, bổ sung thêm nguồn thực phẩm. Tất cả các thành tựu đã đạt được trong sản xuất nông nghiệp, tạo tiền đề cho các lĩnh vực khác trong xã phát triển, nâng cao đời

sống nhân dân, tiến tới hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước và chi viện cho đồng bào miền Nam.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế... ở Quảng Chu tiếp tục phát triển và hoạt động ngày càng có nền nếp, từ thời chiến chuyển sang thời bình, nhân dân chú trọng hơn đối với đời sống tinh thần. Trong công tác giáo dục, Đảng ủy thường xuyên chỉ đạo vận động nhân dân trong xã góp ngày công, tham gia tu sửa cơ sở vật chất của nhà trường, đáp ứng nhu cầu học ngày càng cao của con em trong xã. Hệ thống lớp mẫu giáo và nhà trẻ được mở rộng, thu hút đa số trẻ trong độ tuổi đến trường. Các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được phát triển sâu rộng trong các nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Phong trào bổ túc văn hóa được phục hồi và ngày càng mở rộng, đạt được những kết quả tích cực. Hằng năm, tỷ lệ lên lớp đạt trên 90%.

Chi bộ Đảng và chính quyền xã chú ý đến công tác y tế, chỉ tiêu khám và chữa bệnh tại chỗ cho nhân dân theo chỉ đạo của huyện được thực hiện tốt. Các cán bộ y tế thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân ăn, ở hợp vệ sinh, ăn chín, uống sôi để phòng dịch bệnh hay mắc phải như: sốt rét, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ... người cao tuổi, trẻ nhỏ và phụ nữ

có thai được chăm sóc sức khỏe thường xuyên, đồng thời khuyến khích bà con tự trồng và sử dụng cây thuốc nam để tự chữa một số bệnh thông thường. Đa số phụ nữ đến độ tuổi sinh đẻ đều có ý thức đến trạm xá để kiểm tra theo định kỳ, tỷ lệ suy dinh dưỡng, tử vong ở trẻ sơ sinh giảm. Các hiện tượng cúng bái, bói toán, mê tín dị đoan khi có người ốm đã giảm hẳn nhờ sự vào cuộc tích cực của y tế xã.

Cấp ủy và chính quyền luôn quan tâm chỉ đạo tăng cường công tác quốc phòng, an ninh cơ sở. Từ năm 1973 đến năm 1975, địa bàn xã Quảng Chu không xảy ra các vụ việc nghiêm trọng. Ban Công an xã thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân cùng tham gia công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ban Công an phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể tuyên truyền, nâng cao ý thức cảnh giác, đấu tranh, tố giác tội phạm. Hằng năm, lực lượng dân quân, du kích của xã tham gia học tập chính trị, huấn luyện cơ bản các chương trình quân sự, luôn sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch, đảm bảo an toàn cơ sở, góp phần củng cố hậu phương miền Bắc.

Trong giai đoạn 1973 - 1975, trong công tác xây dựng Đảng, Chi bộ Đảng thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng từ xã đến từng thôn, xóm, mỗi đảng viên đều giữ vai trò lãnh đạo, trực tiếp, toàn diện, tuyệt

đối, việc phân công công tác cho đảng viên có định kỳ, kiểm điểm nhiệm vụ được thực hiện thường xuyên, liên tục và nghiêm túc. Chi bộ Đảng thường xuyên quán triệt và tổ chức học tập các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng tới đông đảo cán bộ, trên tinh thần thẳng thắn và mang tính xây dựng, Chi bộ Đảng thường xuyên duy trì chế độ phê bình và tự phê bình trong các đợt học tập chính trị, các kỳ sinh hoạt, sơ kết, tổng kết... Nhờ đó, chất lượng trên nhiều mặt của đảng viên ngày càng được nâng lên.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ chính trị với tinh thần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, vận động nhân dân xây dựng nếp sống mới, trồng cây gây rừng đạt hiệu quả cao. Đoàn Thanh niên tiếp tục phát động phong trào “Ba sẵn sàng” tới đoàn viên, sẵn sàng tham gia nhập ngũ, gia nhập dân quân, du kích, vào tổ trực chiến, cải tạo thủy lợi, làm phân xanh... đi đầu trong việc áp dụng kỹ thuật vào sản xuất. Hội Phụ nữ xã Quảng Chu phát huy tinh thần trung hậu, đảm đang trên mặt trận sản xuất.

Đầu năm 1975, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch lớn, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tin chiến thắng dồn dập từ chiến trường dội về, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần lao động của nhân dân xã Quảng

Chu. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc ở Quảng Chu luôn đoàn kết, tin tưởng vào đường lối của Đảng, hoàn thành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng quan hệ sản xuất mới, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, đầu năm 1974, 8 hợp tác xã tại các thôn hợp nhất thành hợp tác xã Du Chu.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chi bộ Đảng đã xác định nhiệm vụ tuyển quân là nhiệm vụ cần được chú trọng, càng về giai đoạn cuối của cuộc chiến càng ác liệt, càng phải có quyết tâm cao, công tác tư tưởng tốt, người dân tham gia dân quân ngày càng đông, với tinh thần *“Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Vì miền Nam ruột thịt”*. Trong kháng chiến chống Mỹ, xã Quảng Chu có 84 người con lên đường nhập ngũ, trong đó có 13 người con đã hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, 7 người con đã mất đi 1 phần của thân thể, với những đóng góp đó Quảng Chu được Đảng và Nhà nước tặng nhiều bằng khen, giấy khen, phần thưởng cao quý.

Trong suốt giai đoạn chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), tất cả các mặt công tác đều có bước phát triển mới và đạt được những thành tựu đáng kể. Để có được những thành tựu đó, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu luôn

khơi dậy những tiềm năng to lớn của quần chúng phục vụ cho sự nghiệp cách mạng, quan tâm, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng vào hoàn cảnh thực tế của địa phương. Xây dựng Đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự phê bình và phê bình nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo ngày càng cao của cách mạng. Trải qua những thử thách gian khổ trong chiến tranh, cán bộ, đảng viên xã Quảng Chu đều vững vàng quan điểm, lập trường, gương mẫu trong mọi công tác, luôn bám sát đi sâu vào quần chúng nhân dân.

Để vừa hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện về người và của cho chiến trường miền Nam, cán bộ, đảng viên bằng trí tuệ của mình đã tìm tòi phương pháp để đưa phong trào các ngành và cả xã tiến lên. Dù trong điều kiện vừa sản xuất vừa chiến đấu, nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quảng Chu luôn đoàn kết, gắn bó. Những thành công lớn lao trong chặng đường đã qua chính là kim chỉ nam, là hành trang, điểm tựa vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quảng Chu tự hào, vững bước cùng nhân dân cả nước trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Chương IV

CHI BỘ - ĐẢNG BỘ XÃ QUẢNG CHU LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976 - 1985)

I. Khôi phục kinh tế và thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)

Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã mở ra một kỷ nguyên mới cho cách mạng Việt Nam: Cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân dân xã Quảng Chu cùng nhân dân cả nước tiếp tục bước vào thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiều khó khăn và thử thách: Kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún và còn mang nặng tính tự cấp, tự túc. Cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn, lạc hậu. Tuy nhiên, trong tình hình mới, xã Quảng Chu cũng có nhiều điều kiện thuận lợi: Trải qua 21 năm lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong xã ngày càng trưởng thành, tổ chức Đảng ngày càng vững mạnh. Sau nhiều năm thực hiện nhiệm vụ chiến đấu ở các chiến trường, địa phương được bổ sung thêm lực lượng phục viên, xuất ngũ trở về quê hương tham gia lao động sản xuất. Nhân dân phấn khởi, hăng say lao

động, luôn tin tưởng vào các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Bước vào thời kỳ khôi phục, phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục hậu quả chiến tranh, nhân dân xã Quảng Chu cùng cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo Quyết định số 63/QĐ-UB ngày 24/01/1976 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái về phân loại các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh, xã Quảng Chu là một trong các xã thuộc loại 1¹. Mỗi xã đều có 6 cán bộ chuyên trách.

Trong năm 1976, Chi bộ Đảng xã Quảng Chu tổ chức Đại hội nhằm tổng kết lại cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh giá những thành tựu và hạn chế của Chi bộ Đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ trước, đồng thời xác định nhiệm vụ, mục tiêu trong nhiệm kỳ mới: Tập trung phát triển kinh tế, đấu tranh xóa bỏ những tệ nạn xã hội, tăng cường công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Đại hội bầu Ban Chi ủy, trong đó đồng chí Lê Đình Tiên giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Ma Văn Hán giữ chức Phó Bí thư Chi bộ.

1. Có 11 xã trên địa bàn huyện Chợ Mới ngày nay thuộc loại 1 gồm: Quảng Chu, Tân Sơn, Mai Lạp, Thanh Mai, Thanh Vận, Hòa Mục, Yên Hân, Yên Cư, Như Cố, Bình Văn, Nông Hạ.

Ngày 25/4/1976, nhân dân trong xã cùng với nhân dân cả nước tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VI. Trong kỳ họp đầu tiên, Quốc hội đã quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Ủy ban hành chính các cấp đổi thành Ủy ban nhân dân các cấp. Thời gian này, đồng chí Ma Văn Hán đang giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quảng Chu.

Tháng 11/1976, căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của tổ chức Đảng và số lượng đảng viên ở địa phương (32 đảng viên), Huyện ủy Phú Lương quyết định chuẩn y Chi bộ Đảng xã Quảng Chu thành Đảng bộ xã Quảng Chu và chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời gồm 7 đồng chí, trong đó đồng chí Lê Đình Tiên làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lương Xuân Mạ làm Phó Bí thư Đảng ủy.

Ngay sau đó, đầu năm 1977, Đảng bộ xã Quảng Chu tổ chức Đại hội lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1977 - 1979). Đại hội đánh giá kết quả trong việc thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ trước, đồng thời đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới là: Thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế, trọng tâm là kinh tế nông nghiệp nhằm ổn định và nâng cao đời sống nhân dân; tăng cường hơn nữa công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I gồm 7 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Đảng ủy, trong đó đồng chí Ma Văn Hán giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lương Xuân Mạ giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ Đảng và Đảng bộ các nhiệm kỳ, nhân dân xã Quảng Chu đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, tích cực áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, chú trọng công tác thủy lợi. Năm 1976, sản xuất gặp nhiều khó khăn do rét đậm kéo dài, xuất hiện sương muối khiến nhiều diện tích mạ chiêm xuân bị chết, những cánh đồng bị thiếu nước nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Đảng bộ và chính quyền xã tổ chức cho nhân dân tu sửa các công trình thủy lợi nhằm cung cấp nước tưới kịp thời cho đồng ruộng. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng xã Quảng Chu vẫn hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước.

Nhằm tập trung sản xuất và lao động ở mức cao, phong trào hợp tác hóa được chấn chỉnh và củng cố. Năm 1975, xã Quảng Chu có 1 hợp tác xã nông nghiệp với trên 10 hộ xã viên, thực hiện Nghị quyết 05 của Huyện ủy Phú Lương, đến năm 1976, xã Quảng Chu đã khôi phục được tất cả các hợp tác xã nông nghiệp ở các xóm với 195/207 hộ nông dân (trong đó có 1 hợp tác